

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo Pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 37



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 19 tháng 6 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E; thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 2, tòa nhà Sophie Building, số 277B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh
Kho hàng – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban
Bà Hà Thị Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên

Đã có đơn từ nhiệm ngày 18/5/2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Danh Cương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Đông – Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Văn Cường – Tổng Giám đốc và Ông Trương Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công-ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Văn Cường

Ngày 21 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0561/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		981.930.143.617	650.065.519.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	87.551.462.521	92.128.849.712
1. Tiền	111		7.551.462.521	59.368.582.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	32.760.267.297
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76.959.910.893	49.745.395.666
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	76.959.910.893	49.745.395.666
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		611.376.856.938	384.899.414.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	416.761.675.374	295.446.955.226
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	84.939.198.796	37.138.113.354
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	121.089.240.954	71.279.539.661
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(11.413.258.186)	(18.965.193.296)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		169.766.380.847	111.731.758.779
1. Hàng tồn kho	141	V.7	169.766.380.847	111.731.758.779
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		36.275.532.418	11.560.100.150
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		129.908.426	196.296.066
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.849.294.485	472.158.441
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	368.145	8.909.923
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.8	34.295.961.362	10.882.735.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406.254.613.236	321.952.655.956
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.000.000	33.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215		28.000.000	33.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.987.262.990	46.693.848.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	44.987.262.990	46.690.648.766
- Nguyên giá	222		74.661.310.680	74.540.843.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.674.047.690)	(27.850.194.431)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	3.200.018
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(28.799.982)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		2.814.624.000	2.814.624.000
- Nguyên giá	241	V.10	2.814.624.000	2.814.624.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		271.483.268.324	151.482.082.656
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	271.483.268.324	151.482.082.656
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		85.454.684.922	119.720.047.425
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	85.454.684.922	119.720.047.425
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.486.773.000	1.209.053.091
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		1.215.561.812	937.841.903
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		271.211.188	271.211.188
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.388.184.756.853	972.018.175.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		542.027.124.707	380.605.341.296
I. Nợ ngắn hạn	310		542.027.124.707	380.605.341.296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	199.239.245.425	110.829.920.175
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	98.683.348.657	109.915.909.094
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	10.900.210.067	11.576.829.774
5. Phải trả người lao động	315		4.764.970.887	5.895.984.103
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	751.949.028	850.855.822
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	320		518.815.800	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16	226.053.100.560	140.446.387.807
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.17	1.115.484.283	1.089.454.521
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	846.157.632.146	591.412.833.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		698.377.540.000	434.893.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		698.377.540.000	434.893.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(4.672.511.382)	(4.490.693.200)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.125.410.916	111.196.380.070
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		55.262.411.931	111.196.380.070
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		34.862.998.985	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62.327.192.612	49.813.807.042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.388.184.756.853	972.018.175.208

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	584.041.261.857	207.160.725.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		584.041.261.857	207.160.725.606
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	516.462.990.763	171.932.539.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.578.271.094	35.228.185.968
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	3.849.260.119	1.124.780.309
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	6.468.803.228	1.094.569.166
Trong đó: chi phí đi vay	24		6.442.937.834	888.702.895
9. Chi phí bán hàng	25		579.319.374	(63.192.434)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.776.445.582	14.704.620.449
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		(20.747.316)	1.588.181
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.582.215.713	20.618.557.277
13. Thu nhập khác	31		606.502.856	499.765.722
14. Chi phí khác	32		189.390.496	144.512.573
15. Lợi nhuận khác	40		417.112.360	355.253.149
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.999.328.073	20.973.810.426
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10.645.874.851	4.369.266.698
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(153.171.721)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.353.453.222	16.757.715.449
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		42.248.231.011	16.545.319.411
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		105.222.211	212.396.038
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	649	332
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	649	332

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Người đại diện theo pháp luật

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.999.328.073	20.973.810.426
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.827.053.277	1.813.234.919
- Các khoản dự phòng	03		(7.525.905.348)	421.205.388
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	25.865.394	205.414.271
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.787.179.773)	(1.118.668.861)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	6.442.937.834	888.702.895
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.982.099.457	23.183.699.038
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(243.702.326.791)	(99.405.913.782)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.034.622.068)	9.514.936.262
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		75.535.006.448	11.874.796.531
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(211.332.269)	(14.895.602)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.981.322.040)	(888.702.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(10.879.321.591)	(8.313.468.728)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(193.291.818.854)	(64.049.549.176)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(120.121.653.151)	(3.309.638.633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.544.248.438)	(28.766.226.922)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	26.803.469.172
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	36.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.382.275.487	1.351.255.635
Báo Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.283.626.102)	(5.921.140.748)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	213.409.381.818	(100.000.000)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	391.810.107.180	94.760.867.863
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(306.203.394.427)	(31.683.225.970)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.018.036.806)	(12.193.449.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		297.998.057.765	50.784.192.893
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.577.387.191)	(19.186.497.031)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	92.128.849.712	97.975.498.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	87.551.462.521	78.789.001.541

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuần

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Người đại diện theo pháp luật

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E; thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này của Nhóm Công ty tăng trưởng mạnh do Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực thi công xây dựng hạ tầng nhà xưởng.

6. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99%	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	98%	96,67%	98%	96,67%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95%	95%	95%	95%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	99%	99%	99%	99%
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	80,70%	76,32%	80,70%	76,32%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Chí Thành có trụ sở chính tại Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng nhà ở. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 33,0% và 32,84% (số đầu năm là 45,0% và 44,2%).

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 267 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 223 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Nhóm công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty.

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "HVV" theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30 tháng 11 năm 2018. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 69.837.754 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Nhóm công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Nhóm công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp Nhóm Công ty có nghĩa vụ thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ đã đảm bảo hoặc cam kết trả:

- Nếu Nhóm Công ty có cam kết gánh lỗ cho công ty liên kết hoặc cho phép công ty liên kết không phải hoàn trả/bồi hoàn lại cho Nhóm Công ty khoản nợ đã được Nhóm Công ty trả thay thì khoản lỗ trong công ty liên kết hoặc khoản trả nợ thay mà Nhóm Công ty phải gánh chịu được ghi nhận là một khoản chi phí trên Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Nếu Nhóm Công ty không có cam kết gánh lỗ cho công ty liên kết và công ty liên kết có cam kết hoàn trả/bồi hoàn lại cho Nhóm Công ty khoản nợ đã được Nhóm Công ty trả thay thì khi thực hiện trả nợ thay cho công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận một khoản nợ phải thu từ công ty liên kết tương ứng với một khoản chi trả cho chủ nợ, đồng thời Nhóm Công ty theo dõi và đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ phải thu này để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Nhóm Công ty được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ tổn thất suy giảm giá trị.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, dự phòng tổn thất được lập và ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các kỳ sau, nếu mức tổn thất cần trích lập thấp hơn số dự phòng đã lập, phần chênh lệch được hoàn nhập và ghi nhận vào thu nhập trong kỳ. Số hoàn nhập không vượt quá số đã trích lập trước đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được trình bày theo số thuần tại chỉ tiêu "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Việc chuyển từ hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đang trong giai đoạn xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi hoàn thành giai đoạn xây dựng và bàn giao, đưa vào hoạt động cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá.

Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản đó. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp để bán. Trường hợp bán bất động sản đầu tư mà không có giai đoạn sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thì tài sản vẫn được ghi nhận là bất động sản đầu tư cho đến khi được bán, không chuyển thành hàng tồn kho.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá ghi sổ của tài sản chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá trong việc xác định giá trị hay lập Báo cáo tài chính.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Nhóm Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Nhóm Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Cụ thể, các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Nhóm Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% trên doanh thu từng công trình xây dựng đã ghi nhận trong kỳ mà hợp đồng có cam kết bảo hành theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành công trình xây dựng cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được hoàn nhập vào chi phí bán hàng.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm: Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Nhóm Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Nhóm Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Nhóm Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty; Công ty liên kết của Nhóm Công ty.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.533.633.531	577.840.539
Tiền gửi không kỳ hạn	5.017.828.990	58.790.741.876
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.648.551.847	53.873.832.961
- Ngân hàng TMCP Quốc dân	192.315.867	4.760.355.073
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.632.669.592	21.667.716
- Các ngân hàng, tổ chức khác	544.291.684	134.886.126
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	32.760.267.297
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	31.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	1.667.751.689
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	80.000.000.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	92.515.608
Cộng	87.551.462.521	92.128.849.712

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây của Nhóm Công ty có giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	42.894.559.725	-	4.381.775.141	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	21.700.000.000	-	2.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.174.248.438	-	2.130.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.000.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	20.311.287	-	51.775.141	-
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	10.096.734.730	-	10.042.880.799	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10.042.880.799	-	10.042.880.799	-
Lãi dự thu chứng chỉ tiền gửi	53.853.931	-	-	-
Cho vay	23.968.616.438	-	35.320.739.726	-
Bà Vũ Thị Ngà - Bên liên quan	-	-	12.014.794.521	-
- Gốc cho vay	-	-	12.000.000.000	-
- Lãi dự thu	-	-	14.794.521	-
Ông Nguyễn Việt Thắng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.106.630.137	-	8.106.630.137	-
Công ty Cổ phần Gia Phú Capital Việt Nam ^(iv)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh Spool ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Lãi dự thu từ cho vay các bên khác	861.986.301	-	199.315.068	-
Cộng	76.959.910.893	-	49.745.395.666	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng với lãi suất 5,37%-8%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi có tổng giá trị 8.874.248.438 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại cùng Ngân hàng.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phát hành, lãi suất 4,4%.

(iii) Khoản cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay theo hợp đồng ngày 15 tháng 02 năm 2023. Ngày 02/10/2023 Công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Sông Thao của Ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng là 11.106.630.137 VND. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả Ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên, do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay (3.000.000.000 VND) và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo.

(iv) Các khoản cho cá nhân và các tổ chức vay với lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay trong vòng 12 tháng. Các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Chí Thành. Ngày 27 tháng 3 năm 2026, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 1.440.000 cổ phiếu (tương đương 12% vốn điều lệ) thuộc sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Chí Thành với giá chuyển nhượng 36.000.000.000 VND, lãi 1.755.384.813 VND (xem thuyết minh VI.3). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty nắm giữ 3.960.000 cổ phiếu, tương đương 33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chí Thành (số đầu năm là 5.400.000 cổ phiếu, tương đương 45% vốn điều lệ).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	85.548.000.000	119.820.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(93.315.078)	(99.952.575)
Cộng	85.454.684.922	119.720.047.425

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	119.720.047.425	119.743.182.005
Lợi nhuận trong kỳ	(20.747.316)	1.588.181
Giá trị phần chuyển nhượng	(34.244.615.187)	-
Số cuối kỳ	85.454.684.922	119.744.770.186

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

Xem thuyết minh số VII.2b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần CNC Tech Global	311.658.041.594	-	194.554.522.225	-
Các khách hàng khác	105.103.633.780 (11.373.293.985)		100.892.433.001 (18.925.229.095)	
Cộng	416.761.675.374 (11.373.293.985)		295.446.955.226 (18.925.229.095)	

- (i) Khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng, thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán. Đến thời điểm hiện tại, các khoản công nợ đều được thanh toán đúng hạn theo hợp đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu điện Nam Hà Nội ⁽ⁱ⁾	30.885.043.791	-
Công ty Cổ phần Mặt trời Hà Nam ⁽ⁱⁱ⁾	12.413.616.315	11.751.689.774
Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh Spool ⁽ⁱ⁾	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thiết bị điện Nguyễn Gia	-	4.578.899.773
Các nhà cung cấp khác	30.640.538.690	9.807.523.807
Cộng	84.939.198.796	37.138.113.354

- (i) Khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng mua vật tư, hàng hóa phục vụ thi công công trình.

- (ii) Khoản tiền trả theo tiến độ các hợp đồng mua Bất động sản.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	35.250.000.000	-	608.000.000	-
Ký cược ký quỹ ⁽ⁱⁱ⁾	9.960.939.775	-	24.811.877.435	-
Công ty Cổ phần Novareal ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Bateco Thăng Cường ^(iv)	30.000.000.000	-	-	-
Trung tâm phát triển Quỹ đất Khu vực Hòa Bình ^(v)	24.115.459.000	-	24.115.459.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.423.843.015	-	1.405.204.062	-
Cộng	121.089.240.954	-	71.279.539.661	-

- (i) Các khoản tạm ứng cho các cá nhân là chỉ huy trưởng công trình phục vụ các Dự án.
- (ii) Các khoản ký quỹ tại các Ngân hàng để bảo lãnh cho các khoản vay.
- (iii) Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2023, Nhóm Công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi Chủ đầu tư Dự án “Khu nhà ở diện tích 4,2777 ha, tại Phường Thạnh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức” (nay là phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh) đủ điều kiện bán Bất động sản.
- (iv) Đặt cọc đảm bảo thuê lại đất tại Khu Công nghiệp Thăng Cường để xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- (v) Khoản tiền tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng Dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình (nay là phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ). Khoản tiền này sẽ được bù trừ với tiền sử dụng đất phải nộp khi có thông báo.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5		-	-	Trên 3 năm	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	2 – 3 năm	8.118.447.924	(5.682.913.547)	2 – 3 năm	8.118.447.924	(5.682.913.547)
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi	1 – 2 năm	4.700.000.000	(2.350.000.000)		-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		3.962.658.039	(3.380.344.639)		4.652.802.084	(3.682.279.749)
Cộng		16.781.105.963	(11.413.258.186)		22.371.250.008	(18.965.193.296)

Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán, Nhóm Công ty trích lập dự phòng theo thời gian nợ quá hạn (xem Thuyết minh IV5). Nhóm Công ty không xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ này do không có đầy đủ thông tin cập nhật về tình hình tài chính, khả năng thanh toán của khách nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	18.965.193.296	16.430.293.984
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.351.935.110)	760.522.334
Xóa nợ cho khách hàng	(4.200.000.000)	-
Số cuối kỳ	11.413.258.186	17.190.816.318

Lý do trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Trích lập các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán, hoàn nhập do thu hồi được công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.667.933.421	-	4.226.813.004	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	136.434.728.549	-	89.365.194.592	-
Hàng hóa	16.663.718.877	-	18.139.751.183	-
Cộng	169.766.380.847	-	111.731.758.779	-

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán ⁽ⁱ⁾	5.171.228.666	1.383.735.720
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng ⁽ⁱ⁾	29.124.732.696	9.499.000.000
Cộng	34.295.961.362	10.882.735.720

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng, hiện đang bị phong tỏa để thực hiện bảo lãnh và đảm bảo cho khoản vay của Nhóm Công ty tại cùng Ngân hàng.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.245.827.525	12.663.287.563	5.504.528.673	1.127.199.436	74.540.843.197
Mua trong kỳ	120.467.483	-	-	-	120.467.483
Số cuối kỳ	55.366.295.008	12.663.287.563	5.504.528.673	1.127.199.436	74.661.310.680
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.853.569.411	930.265.200	1.942.491.582	127.000.000	5.853.326.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.261.920.579	6.441.501.281	3.382.413.586	764.358.985	27.850.194.431
Khấu hao trong kỳ	1.044.238.986	469.291.767	246.130.122	64.192.384	1.823.853.259
Số cuối kỳ	18.306.159.565	6.910.793.048	3.628.543.708	828.551.369	29.674.047.690
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.983.906.946	6.221.786.282	2.122.115.087	362.840.451	46.690.648.766
Số cuối kỳ	37.060.135.443	5.752.494.515	1.875.984.965	298.648.067	44.987.262.990
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Văn phòng Công ty tại Hồ Gươm Plaza	23.274.401.202	(3.959.364.323)	19.315.036.879
Nhà xưởng - Nhà máy Hưng Yên	25.792.335.696	(8.637.364.337)	17.154.971.359
Tài sản cố định hữu hình khác	25.594.573.782	(17.077.319.030)	8.517.254.752
Cộng	74.661.310.680	(29.674.047.690)	44.987.262.990

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.470.008.238 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

10. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Là giá trị quyền sử dụng đất ở không xác định thời hạn (96 m²) tại phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí để thực hiện Dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại Xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ).

Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình (cũ) đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 về việc chấp thuận liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm là Nhà đầu tư thực hiện Dự án, doanh nghiệp thực hiện Dự án là Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình (Công ty con).

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	151.482.082.656
Chi phí phát sinh trong kỳ	121.938.097.268
Tiền bồi thường Giải phóng mặt bằng nhận được cho phần diện tích đất Nhóm Công ty sở hữu	(1.936.911.600)
Số cuối kỳ	271.483.268.324

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Thao ⁽ⁱ⁾	149.133.922.706	68.019.151.078
Các nhà cung cấp khác	50.105.322.719	42.810.769.097
Cộng	199.239.245.425	110.829.920.175

- ⁽ⁱ⁾ Khoản phải trả về các hợp đồng thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng, thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu nộp đủ hồ sơ thanh toán. Đến thời điểm hiện tại, các khoản công nợ đều được thanh toán đúng hạn theo hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	14.661.592.572	17.899.793.233
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Sản xuất Hạ Long	20.441.629.536	6.659.517.714
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Olympia	11.567.126.654	8.475.461.236
Công ty TNHH Xây dựng và Quản lý Dự án Hồ Tây	11.367.149.339	16.352.978.542
Đại học Phenikaa	12.778.860.050	15.806.823.621
Các khách hàng khác	27.866.990.506	44.721.334.748
Cộng	98.683.348.657	109.915.909.094

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	892.305.078	8.909.923	3.169.740.584	(4.031.358.772)	22.145.112	368.145
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	129.759.046	(129.759.046)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	33.792.497	(33.792.497)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.606.594.317	-	10.645.874.851	(10.879.321.591)	10.373.147.577	-
Thuế thu nhập cá nhân	71.686.779	-	783.932.613	(350.702.014)	504.917.378	-
Thuế nhà đất	6.243.600	-	6.243.600	(12.487.200)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	64.529.750	(64.529.750)	-	-
Cộng	11.576.829.774	8.909.923	14.833.872.941	(15.501.950.870)	10.900.210.067	368.145

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	751.949.028	290.333.234
Chi phí nhân công thuê ngoài	-	560.522.588
Cộng	751.949.028	850.855.822

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam⁽ⁱ⁾</i>	<i>187.703.344.340</i>	<i>135.235.666.817</i>
Hạn mức cho vay	180.333.684.777	122.104.991.468
Hạn mức chiết khấu	7.369.659.563	13.130.675.349
<i>Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Hà Nội – Hạn mức bao thanh toán⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>23.481.984.916</i>	<i>5.210.720.990</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>9.996.637.734</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam^(iv)</i>	<i>4.871.133.570</i>	-
Cộng	226.053.100.560	140.446.387.807

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng ngày 09/09/2014 và các phụ lục kèm theo đến ngày 08/06/2026 tại Công ty mẹ với tổng hạn mức tín dụng là 580 tỷ VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7,5%-9,58%/năm + biên độ 0,66%.

- Hợp đồng cấp tín dụng ngày 23/11/2019 và các phụ lục kèm theo đến ngày 07/01/2026 tại Công ty TNHH vui chơi giải trí HVC Park (công ty con) với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9,58%/năm + biên độ 0,96%.

- Hợp đồng hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ ngày 07/01/2026 tại Công ty mẹ và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (Công ty con) với tổng giá trị hạn mức chiết khấu là 75 tỷ VND. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên từng đề nghị chiết khấu và do các khách hàng của Nhóm Công ty chi trả. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu và tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

(ii) Khoản vay bao thanh toán tại Ngân hàng TMCP Quốc dân theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 10/10/2025 tại Công ty mẹ, trong đó hạn mức bao thanh toán là 50 tỷ VND. Mức lãi suất bao thanh toán được quy định cụ thể trên từng đề xuất bao thanh toán và do các khách hàng của Công ty chi trả, thời hạn bao thanh toán dưới 12 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 12/6/2026 tại Công ty mẹ với hạn mức tín dụng là 200 tỷ VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9,6%/năm.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 12/02/2026 tại Công ty mẹ với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từ 6 đến 7 tháng, lãi suất 7,6%/năm.

Các khoản vay Ngân hàng được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh V.19), và cam kết bảo lãnh của thành viên Hội đồng quản trị (xem thuyết minh VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	140.446.387.807	27.995.306.870
Số tiền vay phát sinh	391.810.107.180	94.760.867.863
Số tiền vay đã trả	(306.203.394.427)	(31.683.225.970)
Số cuối kỳ	226.053.100.560	91.072.948.763

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.089.454.521	2.478.337.262
Trích lập/(Hoàn nhập dự phòng)	26.029.762	(339.316.946)
Số cuối kỳ	1.115.484.283	2.139.020.316

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	406.448.300.000	(4.390.693.200)	96.956.704.305	52.347.721.554	551.362.032.659
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	28.445.040.000	-	(28.445.040.000)	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	16.545.319.411	212.396.038	16.757.715.449
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty con	-	-	736.836.456	(2.736.836.456)	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	434.893.340.000	(4.490.693.200)	85.793.820.172	49.823.281.136	566.019.748.108
Số dư đầu năm nay	434.893.340.000	(4.490.693.200)	111.196.380.070	49.813.807.042	591.412.833.912
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền ⁽ⁱ⁾	200.000.000.000	-	-	13.591.200.000	213.591.200.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	63.484.200.000	-	(63.484.200.000)	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(181.818.182)	-	-	(181.818.182)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	42.248.231.011	105.222.211	42.353.453.222
Chia lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	(1.018.036.806)	(1.018.036.806)
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty con	-	-	164.999.835	(164.999.835)	-
Số dư cuối kỳ này	698.377.540.000	(4.672.511.382)	90.125.410.916	62.327.192.612	846.157.632.146

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 22/4/2025, ngày 12/01/2026 Công ty đã hoàn thành đợt chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước để trả nợ vay Ngân hàng và tăng vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình (Công ty con). Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên kể từ ngày 13/02/2026.

(ii) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 15/4/2026, ngày 01/6/2026 Công ty đã phát hành 6.348.420 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên kể từ ngày 25/6/2026.

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.837.754	43.489.334
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	69.837.754	43.489.334
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	69.837.754	43.489.334

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 15/4/2026 như sau:

VND

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu : 63.484.200.000

Ngoài ra, ngày 05/8/2026 Công ty đã phát hành 1.904.680 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Ngày 07/8/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem thuyết minh V.2a)	8.874.248.438	4.330.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn	3.700.000.000	2.200.000.000	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn	5.174.248.438	2.130.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tài sản ngắn hạn khác (xem thuyết minh V.8)	34.253.289.033	10.882.735.720	
Tiền gửi thanh toán	5.171.228.666	1.383.735.720	Ngân hàng TMCP Quốc dân
Tiền gửi có kỳ hạn	13.999.000.000	9.499.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn	15.083.060.367	-	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.9)	36.470.008.238	37.285.834.964	
Văn phòng Công ty tại Hồ Gươm Plaza	19.315.036.879	19.547.525.503	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Nhà xưởng - Nhà máy Hưng Yên	17.154.971.359	17.738.309.461	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Cộng	79.597.545.709	52.498.570.684	

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	17.712.164.668	40.479.081.283
Doanh thu bán sản phẩm	10.039.450.552	9.642.880.940
Doanh thu thi công lắp đặt công trình	556.289.646.637	157.038.763.383
Cộng	584.041.261.857	207.160.725.606

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	16.325.029.787	38.124.393.352
Giá vốn bán sản phẩm	8.162.235.955	6.958.542.814
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	491.975.725.021	126.849.603.472
Cộng	516.462.990.763	171.932.539.638

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.333.030	7.247.629
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	933.079.846	951.115.701
Lãi tiền cho vay	852.534.247	-
Lãi chứng chỉ tiền gửi	266.928.183	166.416.979
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	1.755.384.813	-
Cộng	3.849.260.119	1.124.780.309

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	6.442.937.834	888.702.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25.865.394	205.414.271
Chi phí tài chính khác	-	452.000
Cộng	6.468.803.228	1.094.569.166

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.509.284.499	10.039.707.397
Chi phí đồ dùng văn phòng	691.251.065	263.422.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.326.879.044	1.278.101.502
Thuế, phí và lệ phí	6.243.600	22.177.949
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(3.351.935.110)	760.522.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.807.325.860	1.345.959.115
Các chi phí khác	787.396.624	994.729.916
Cộng	11.776.445.582	14.704.620.449

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Lãi trên cổ phiếu****6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	42.248.231.011	16.545.319.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	42.248.231.011	16.545.319.411
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	65.086.373	49.837.754
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	649	332

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	43.489.334	40.644.830
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 02 năm 2026	15.248.619	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ vốn chủ sở hữu ngày 25/6/2026	6.348.420	6.348.420
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ vốn chủ sở hữu ngày 12/6/2025	-	2.844.504
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.086.373	49.837.754

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại, giảm từ 380 VND xuống còn 332 VND, do ảnh hưởng của sự kiện ngày 25 tháng 6 năm 2026, Công ty đã phát hành 6.348.420 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	21.413.888.825	38.124.393.352
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	508.535.567.941	120.527.508.500
Chi phí nhân công	45.922.697.675	19.689.541.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.827.053.277	1.813.234.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.123.355.364	6.549.765.268
Chi phí khác	1.031.054	1.780.634.388
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho	(61.004.838.417)	(1.911.110.425)
Cộng	528.818.755.719	186.573.967.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về lãi cho vay phải thu với Bà Vũ Thị Ngà với số tiền là 189.863.014 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

Cam kết bảo lãnh

Thành viên Ban Điều hành dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Ông Nguyễn Việt Thắng tại Nhóm Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Thành viên Hội đồng quản trị dùng tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình để bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.16).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh số V.2a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao năm trước	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	330.770.000	45.000.000	375.770.000
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	332.377.000	45.000.000	377.377.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	357.414.000	45.000.000	402.414.000
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	45.000.000	45.000.000
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	320.040.000	-	320.040.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	249.640.000	-	249.640.000
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	95.205.392	45.000.000	140.205.392
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	137.113.709	22.500.000	159.613.709
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	-	25.000.000	25.000.000
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	189.098.553	-	189.098.553
Cộng		2.011.658.654	362.500.000	2.374.158.654

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao năm trước	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	279.550.000	45.000.000	324.550.000
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	279.550.000	45.000.000	324.550.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	289.860.000	45.000.000	334.860.000
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	45.000.000	45.000.000
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	289.860.000	-	289.860.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	237.856.700	-	237.856.700
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	-	45.000.000	45.000.000
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	-	22.500.000	22.500.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	-	22.500.000	22.500.000
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	154.160.975	-	154.160.975
Cộng		1.530.837.675	360.000.000	1.890.837.675

Thu nhập trên là thu nhập tại Công ty mẹ, không bao gồm thu nhập (nếu có) tại các Công ty con.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chí Thành	Công ty liên kết

Giao dịch và công nợ với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban điều hành nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh**Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	93.420.069.824	(1.291.220.112)	92.128.849.712	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	58.978.510.936	(9.233.115.270)	49.745.395.666	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	71.637.939.999	(358.400.338)	71.279.539.661	
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	10.882.735.720	10.882.735.720	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Trình bày lại các khoản tiền và tương đương tiền bị phong tỏa, sử dụng làm tài sản đảm bảo từ chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”, lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5 và V.3);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.6 và V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.7);
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (Thuyết minh IV.11 và V.17);

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Chí Thành (2.400.000 cổ phần, tương ứng 20% vốn điều lệ) cho Bà Trần Thị Hà Phương, với tổng giá chuyển nhượng 54 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền chuyển nhượng

Ngoài sự kiện đã trình bày nêu trên và sự kiện tại Thuyết minh V.18c, Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Người đại diện theo pháp luật

Lê Văn Cường

**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL
STATEMENTS**
for the accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

**HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY**



TABLE OF CONTENTS

	Page
1. Table of Contents	1
2. General Information	2
3. Report of the Legal Representative	3
4. Review Report on Interim Financial Information	4
5. Interim Consolidated Statement of Financial Position as at 30 June 2026	5 - 9
6. Interim Consolidated Income Statement for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	10-11
7. Interim Consolidated Cash Flow Statement for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	12-13
8. Notes to the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	14-40

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

GENERAL INFORMATION

Company Overview

HVC Investment And Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “company”) is a Joint Stock Company operating under enterprise registration certificate No. 0104606490, registered for the first time on 23 april 2010 and registered for the 26th amendment on 19 june 2026, issued by the Department of Finance of Hanoi City.

The Company's principal business activities are the supply and installation of high-end recreational and entertainment equipment and facilities, including artificial ice skating rinks, ocean aquariums, water parks and swimming pools; installation of M&E systems; and construction of technical infrastructure for factories.

Head office

- Address : 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City
- Telephone : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

The company has the following dependent units:

Name of Unit	Address
Ho Chi Minh City Branch – HVC Investment and Technology Joint Stock Company	2nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop Street, Phuoc Long Ward, Ho Chi Minh City
Warehouse – HVC Investment and Technology Joint Stock Company	Tho Binh Village, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province

Board of Directors

The members of the Board of Directors during the period and up to the date of this report comprise:

Full Name	Position
Mr. Tran Huu Dong	Chairman
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman
Mr. Le Van Cuong	Member
Mr. Truong Thanh Tung	Member
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member

Board of Supervisors

The members of the Board of Supervisors during the period and up to the date of this report comprise:

Full Name	Position
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Board
Ms. Ha Thi Linh	Member
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member

Ms. Nguyen Thi Thuy Lan submitted her resignation on 18 May 2026.

Executive Board

The members of the Executive Board during the period and up to the date of this report comprise:

Full Name	Position
Mr. Le Van Cuong	General Director
Mr. Truong Thanh Tung	Deputy General Director
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director
Mr. Duong Danh Cuong	Deputy General Director
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant

Legal Representatives

The legal representatives of the Company during the period and up to the date of this report are Mr. Tran Huu Dong – Chairman of the Board of Directors, Mr. Le Van Cuong – General Director, and Mr. Truong Thanh Tung – Deputy General Director.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Company Limited has been appointed as the Company's auditor.

REPORT OF THE LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") presents this report together with the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, comprising the interim financial statements of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as the "Group").

Responsibilities of the Executive Board

The Executive Board is responsible for preparing the Interim Consolidated Financial Statements that present fairly and reasonably the consolidated financial position, consolidated results of operations and consolidated cash flows of the Group for the period. In preparing these Interim Consolidated Financial Statements, the Executive Board is required to:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make reasonable and prudent judgments and estimates;
- State whether the applicable accounting standards for the Group have been complied with and whether all material departures have been presented and explained in the Interim Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Interim Consolidated Financial Statements on a going-concern basis, unless it is inappropriate to presume that the Group will continue as a going concern;
- Establish and implement an effective internal control system to minimize the risk of material misstatements arising from fraud or error in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

The Executive Board ensures that proper accounting books are maintained in sufficient detail to reflect the consolidated financial position of the Group with reasonable accuracy at any time and that the accounting records comply with the applicable accounting regime. The Executive Board is also responsible for managing the Group's assets and has therefore taken appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.

The Executive Board confirms that it has complied with the above requirements in preparing the Interim Consolidated Financial Statements.

Statement of the Legal Representative

In the opinion of the Legal Representative, the Interim Consolidated Financial Statements present fairly and reasonably the consolidated financial position of the Group as at 30 June 2026, as well as its consolidated results of operations and consolidated cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises and relevant statutory regulations governing the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

Legal Representative

Le Van Cuong

Date: 21 August 2026

REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

To: THE SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS AND EXECUTIVE BOARD HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

We have performed a review of the accompanying Interim Consolidated Financial Statements of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") and its subsidiaries (collectively referred to as the "Group"), prepared on 21 August 2026, from page 05 to page 37, comprising the Interim Consolidated Statement of Financial Position as at 30 June 2026, the Interim Consolidated Income Statement, the Interim Consolidated Cash Flow Statement for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, and the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements.

Responsibilities of the Executive Board

The Company's Executive Board is responsible for the preparation and fair presentation of the Group's Interim Consolidated Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises and relevant statutory regulations governing the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements, and is responsible for such internal control as the Executive Board determines is necessary to enable the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibilities

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Consolidated Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity. A review of interim financial information consists principally of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Consolidated Financial Statements do not present fairly and reasonably, in all material respects, the consolidated financial position of HVC Investment and Technology Joint Stock Company and its subsidiaries as at 30 June 2026, as well as their consolidated results of operations and consolidated cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises and relevant statutory regulations governing the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

A&C Auditing and Consulting Company Limited
Hanoi Branch

Le Van Khoa – Board Member

Auditor's Practicing Registration Certificate No. 1794-2023-008-1

Authorized Representative

Hanoi, 21 August 2026

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**(Full Form)****As at June 30, 2026**

Unit: VND

ITEMS		Code	Notes	Closing balance	Opening balance
A -	CURRENT ASSETS	100		981,930,143,617	650,065,519,252
I.	Cash and cash equivalents	110	V.1	87,551,462,521	92,128,849,712
1.	Cash	111		7,551,462,521	59,368,582,415
2.	Cash equivalents	112		80,000,000,000	32,760,267,297
II.	Short-term financial investments	120		76,959,910,893	49,745,395,666
1.	Trading securities	121		-	-
2.	Provision for decline in value of trading securities	122		-	-
3.	Short-term investments held to maturity	123	V.2a	76,959,910,893	49,745,395,666
4.	Provision for short-term investments held to maturity	124		-	-
5.	Other short-term investments	125		-	-
6.	Provision for impairment of other short-term investments	126		-	-
III.	Short-term receivables	130		611,376,856,938	384,899,414,945
1.	Short-term trade receivables	131	V.3	416,761,675,374	295,446,955,226
2.	Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	84,939,198,796	37,138,113,354
3.	Short-term internal receivables	133		-	-
4.	Receivables according to the progress of construction contracts	134		-	-
5.	Other short-term receivables	135	V.5a	121,089,240,954	71,279,539,661
6.	Provision for doubtful short-term receivables	136	V.6	(11,413,258,186)	(18,965,193,296)
7.	Shortage of assets awaiting resolution	137		-	-
IV.	Inventories	140		169,766,380,847	111,731,758,779
1.	Inventories	141	V.7	169,766,380,847	111,731,758,779
2.	Provision for decline in value of inventories	142		-	-
V.	Provision for decline in value of inventories	150		-	-
1.	Short-term livestock held for one-time product harvesting	151		-	-
2.	Seasonal crops or crops held for one-time product harvesting	152		-	-
3.	Provision for impairment of short-term biological assets	153		-	-
VI.	Other current assets	160		36,275,532,418	11,560,100,150
1.	Short-term prepaid expenses	161		129,908,426	196,296,066
2.	Deductible value-added tax	162		1,849,294,485	472,158,441
3.	Taxes and other receivables from the State	163	V.14	368,145	8,909,923
4.	Repurchase and resale transactions of Government bonds	164		-	-
5.	Other current assets	165	V.8	34,295,961,362	10,882,735,720

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (continued)

ITEMS		Code	Notes	Closing balance	Opening balance
B -	NON-CURRENT ASSETS	200		406,254,613,236	321,952,655,956
I.	Long-term receivables	210		28,000,000	33,000,000
1.	Long-term trade receivables	211		-	-
2.	Long-term trade receivables	212		-	-
3.	Business capital in dependent units	213		-	-
4.	Long-term internal receivables	214		-	-
5.	Other long-term receivables	215		28,000,000	33,000,000
6.	Provision for doubtful long-term receivables	216		-	-
II.	Property, plant and equipment	220		44,987,262,990	46,693,848,784
1.	Tangible fixed assets	221	V.9	44,987,262,990	46,690,648,766
-	Historical cost	222		74,661,310,680	74,540,843,197
-	Accumulated depreciation	223		(29,674,047,690)	(27,850,194,431)
2.	Finance lease fixed assets	224		-	-
-	Historical cost	225		-	-
-	Accumulated depreciation	226		-	-
3.	Intangible fixed assets	227		-	3,200,018
-	Historical cost	228		32,000,000	32,000,000
-	Accumulated amortization	229		(32,000,000)	(28,799,982)
III.	Long-term biological assets	230		-	-
1.	Livestock held for periodic production	231		-	-
a)	Livestock held for periodic production that have not yet reached maturity	232		-	-
b)	Livestock held for periodic production that have reached maturity	233		-	-
-	Historical cost	234		-	-
-	Accumulated depreciation	235		-	-
2.	Long-term livestock held for one-time product harvesting	236		-	-
3.	Long-term seasonal crops or crops held for one-time product harvesting	237		-	-
4.	Provision for impairment of long-term biological assets	238		-	-
IV.	Investment properties	240		2,814,624,000	2,814,624,000
-	Historical cost	241	V.10	2,814,624,000	2,814,624,000
-	Accumulated depreciation	242		-	-
V.	Long-term assets under construction	250		271,483,268,324	151,482,082,656
1.	Long-term work-in-progress	251		-	-

2.	Construction in progress	252	V.11	271,483,268,324	151,482,082,656
VI.	Long-term financial investments	260		85,454,684,922	119,720,047,425
1.	Investments in subsidiaries	261		-	-
2.	Investments in joint ventures and associates	262	V.2b	85,454,684,922	119,720,047,425
3.	Investments in other entities	263		-	-
4.	Provision for impairment of long-term investments in other entities	264		-	-
5.	Long-term investments held to maturity	265		-	-
6.	Provision for long-term investments held to maturity	266		-	-
VII.	Other non-current assets	270		1,486,773,000	1,209,053,091
1.	Long-term prepaid expenses	271		1,215,561,812	937,841,903
2.	Deferred income tax assets	272		271,211,188	271,211,188
3.	Long-term equipment, supplies and spare parts	273		-	-
4.	Other non-current assets	274		-	-
5.	Goodwill	279		-	-
	TOTAL ASSETS	280		<u>1,388,184,756,853</u>	<u>972,018,175,208</u>

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (continued)

ITEMS		Code	Notes	Closing balance	Opening balance
C -	LIABILITIES	300		542,027,124,707	380,605,341,296
I.	Current liabilities	310		542,027,124,707	380,605,341,296
1.	Short-term trade payables	311	V.12	199,239,245,425	110,829,920,175
2.	Short-term advances from customers	312	V.13	98,683,348,657	109,915,909,094
3.	Dividends and profits payable	313		-	-
4.	Short-term taxes and other amounts payable to the State	314	V.14	10,900,210,067	11,576,829,774
5.	Payables to employees	315		4,764,970,887	5,895,984,103
6.	Short-term accrued expenses	316	V.15	751,949,028	850,855,822
7.	Short-term internal payables	317		-	-
8.	Short-term payables according to the progress of construction contracts	318		-	-
9.	Short-term deferred revenue	319		-	-
10.	Other short-term payables	320		518,815,800	-
11.	Short-term borrowings and finance lease liabilities	321	V.16	226,053,100,560	140,446,387,807
12.	Short-term provisions	322	V.17	1,115,484,283	1,089,454,521
13.	Bonus and welfare funds	323		-	-
14.	Price stabilization fund	324		-	-
15.	Repurchase and resale transactions of Government bonds	325		-	-
II.	Non-current liabilities	330		-	-
1.	Long-term trade payables	331		-	-
2.	Long-term advances from customers	332		-	-
3.	Long-term taxes and other amounts payable to the State	333		-	-
4.	Long-term accrued expenses	334		-	-
5.	Internal payables for business capital	335		-	-
6.	Long-term internal payables	336		-	-
7.	Long-term deferred revenue	337		-	-
8.	Other long-term payables	338		-	-
9.	Long-term borrowings and finance lease liabilities	339		-	-
10.	Convertible bonds	340		-	-
11.	Preference shares	341		-	-
12.	Deferred income tax liabilities	342		-	-
13.	Long-term provisions	343		-	-
14.	Science and technology development fund	344		-	-

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (continued)

	ITEMS	Code	Notes	Closing balance	Opening balance
D -	EQUITY	400	V.18	846,157,632,146	591,412,833,912
1.	Owners' contributed capital	411		698,377,540,000	434,893,340,000
-	Ordinary shares with voting rights	411a		698,377,540,000	434,893,340,000
-	Preference shares	411b		-	-
2.	Share premium	412		(4,672,511,382)	(4,490,693,200)
3.	Convertible bond option	413		-	-
4.	Other owners' capital	414		-	-
5.	Treasury shares	415		-	-
6.	Asset revaluation differences	416		-	-
7.	Foreign exchange differences	417		-	-
8.	Development investment fund	418		-	-
9.	Other funds belonging to equity	419		-	-
10.	Undistributed profit after tax	420		90,125,410,916	111,196,380,070
-	Accumulated undistributed profit after tax up to the end of the previous period	420a		55,262,411,931	111,196,380,070
-	Undistributed profit after tax for the current period	420b		34,862,998,985	-
11.	Non-controlling interests	429		62,327,192,612	49,813,807,042
	TOTAL LIABILITIES AND EQUITY	440		1,388,184,756,853	972,018,175,208

Approved, dated 21 August 2026

Prepared by

Chief Accountant

Legal Representative

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

(Full Form)

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Unit: VND

Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period

ITEMS		Code	Notes	Current year	Previous year
1.	Revenue from sales of goods and rendering of services	01	VI.1	584,041,261,857	207,160,725,606
2.	Revenue deductions	02		-	-
3.	Net revenue from sales of goods and rendering of services	10		584,041,261,857	207,160,725,606
4.	Cost of goods sold	11	VI.2	516,462,990,763	171,932,539,638
5.	Gross profit from sales of goods and rendering of services	20		67,578,271,094	35,228,185,968
6.	Profit/loss from sale and disposal of investment properties	21		-	-
7.	Financial income	22	VI.3	3,849,260,119	1,124,780,309
8.	Financial expenses	23	VI.4	6,468,803,228	1,094,569,166
	Including: borrowing costs	24		6,442,937,834	888,702,895
9.	Selling expenses	25		579,319,374	(63,192,434)
10.	General and administrative expenses	26	VI.5	11,776,445,582	14,704,620,449
11.	Share of profit or loss in joint ventures and associates	27		(20,747,316)	1,588,181
12.	Net profit from business activities	30		52,582,215,713	20,618,557,277
13.	Other income	31		606,502,856	499,765,722
14.	Other expenses	32		189,390,496	144,512,573
15.	Other profit	40		417,112,360	355,253,149
16.	Total accounting profit before tax	50		52,999,328,073	20,973,810,426
17.	Current corporate income tax expense	51		10,645,874,851	4,369,266,698
18.	Deferred corporate income tax expense	52		-	(153,171,721)
19.	Profit after corporate income tax	60		42,353,453,222	16,757,715,449
20.	Profit after tax attributable to owners of the parent	61		42,248,231,011	16,545,319,411
21.	Profit after tax attributable to non-controlling interests	62		105,222,211	212,396,038
22.	Basic earnings per share	70	VI.6	649	332
23.	Diluted earnings per share	71	VI.6	649	332

Approved, 21 August 2026

Prepared by

Chief Accountant

Legal Representative

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT**(Full Form)****(Indirect Method)****Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026**

Unit: VND

Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period

ITEMS		Code	Notes	Current year	Previous year
I.	Cash flows from operating activities				
1.	<i>Profit before tax</i>	01		52,999,328,073	20,973,810,426
2.	<i>Adjustments for:</i>				
-	Depreciation of property, plant and equipment and investment properties	02		1,827,053,277	1,813,234,919
-	Provisions	03		(7,525,905,348)	421,205,388
-	Foreign exchange gains or losses arising from the revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	VI.4	25,865,394	205,414,271
-	Gains or losses from investing and financing activities	05		(3,787,179,773)	(1,118,668,861)
-	Borrowing costs	06	VI.4	6,442,937,834	888,702,895
-	Other adjustments	07		-	-
3.	<i>Operating profit before changes in working capital</i>	08		49,982,099,457	23,183,699,038
-	Increase/decrease in receivables	09		(243,702,326,791)	(99,405,913,782)
-	Increase/decrease in inventories	10		(58,034,622,068)	9,514,936,262
-	Increase, decrease in accounts payable	11		75,535,006,448	11,874,796,531
-	Increase, decrease in prepaid expenses	12		(211,332,269)	(14,895,602)
-	Increase, decrease in trading securities	13		-	-
-	Borrowing costs paid	14		(5,981,322,040)	(888,702,895)
-	Corporate income tax paid	15	V.14	(10,879,321,591)	(8,313,468,728)
-	Other cash receipts from operating activities			-	-
-	Other cash payments for operating activities			-	-
	<i>Net cash flows from operating activities</i>			<u>(193,291,818,854)</u>	<u>(64,049,549,176)</u>
II.	Cash flows from investing activities				
1.	Cash payments for purchases and construction of property, plant and equipment and other long-term assets	21		(120,121,653,151)	(3,309,638,633)
2.	Cash receipts from disposal and sale of property, plant and equipment and other long-term assets	22		-	-
3.	Cash payments for loans granted and purchases of debt instruments of other entities	23		(38,544,248,438)	(28,766,226,922)
4.	Cash receipts from repayment of loans and sale of debt instruments of other entities	24		12,000,000,000	26,803,469,172
5.	Cash payments for investments in equity of other entities	25		-	(2,000,000,000)
6.	Cash receipts from recovery of investments in equity of other entities	26	V.2b	36,000,000,000	-
7.	Cash receipts from interest on loans, dividends, and distributed profits	27		1,382,275,487	1,351,255,635
	<i>Net cash flows from investing activities</i>	30		<u>(109,283,626,102)</u>	<u>(5,921,140,748)</u>

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026
Interim Consolidated Cash Flow Statement (continued)

Cumulative from the beginning of the year to the end of this period

ITEMS		Code	Notes	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities					
1.	Cash receipts from issuance of shares and capital contributions from owners	31	V.18	213,409,381,818	(100,000,000)
2.	Cash repayments of capital contributions to owners and repurchases of issued shares	32		-	-
3.	Proceeds from borrowings	33	V.16	391,810,107,180	94,760,867,863
4.	Repayment of loan principal	34	V.16	(306,203,394,427)	(31,683,225,970)
5.	Repayment of finance lease principal	35		-	-
6.	Dividends and profits paid to owners			(1,018,036,806)	(12,193,449,000)
	<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<u>297,998,057,765</u>	<u>50,784,192,893</u>
	Net cash flows during the period	50		(4,577,387,191)	(19,186,497,031)
	Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	V.1	92,128,849,712	97,975,498,572
	Effect of changes in foreign exchange rates on translation of foreign currencies	61		-	-
	Cash and cash equivalents at the end of the period	70	V.1	<u>87,551,462,521</u>	<u>78,789,001,541</u>

Approved on August 21, 2026

Prepared by

Chief Accountant

Legal Representative

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Accounting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

I. GENERAL INFORMATION ON OPERATIONS

1. Form of ownership

HVC Investment And Technology Joint Stock Company (here in after referred to as the “Company” or the “Parent Company”) is a joint stock company.

2. Business sector

The Company operates in various business sectors, including construction and installation, trading and services.

3. Principal business activities

The Company’s principal business activities are the supply and installation of high-end entertainment and recreational equipment, such as artistic ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools, and M&E system installation; and construction of technical infrastructure for factories.

4. Normal production and business cycle

The Company’s normal production and business cycle does not exceed 12 months.

5. Characteristics of the Company’s operations during the period that affect the Interim Consolidated Financial Statements

The revenue and profit of the Company Group for the current period increased significantly as the Company expanded its business activities into the construction of infrastructure for factories.

6. Structure of the Company Group

The Company Group comprises the Parent Company and 5 subsidiaries controlled by the Parent Company. All subsidiaries are consolidated in these Consolidated Financial Statements.

6a. List of consolidated subsidiaries

Company name	Head office address	Principal business activities	Ownership interest		Voting rights percentage	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
HVC Hung Yen Company Limited	Tho Binh village, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province	Manufacture of metal products	99%	99%	99%	99%
HVC Construction General Contractor Joint Stock Company	8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air-conditioning systems	98%	96.67%	98%	96.67%
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air-conditioning systems	95%	95%	95%	95%
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province	Real estate business and resort tourism	99%	99%	99%	99%
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province	Real estate business and resort tourism	80.70%	76.32%	80.70%	76.32%

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

6b. List of Associates Reflected in the Interim Consolidated Financial Statements Using the Equity Method

The Company Group has invested in only one associate, Chi Thanh Joint Stock Company, whose head office is located at Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province. The principal business activity of this associate is residential construction. As at the end of the accounting period, the voting rights percentage and ownership interest of the Company Group in this associate were 33.0% and 32.84%, respectively (at the beginning of the year: 45.0% and 44.2%, respectively).

7. Number of Employees

As at June 30, 2026, the Company Group had 267 employees (as at January 1, 2026: 223 employees).

8. Statement on the Comparability of Information in the Interim Consolidated Financial Statements

The corresponding figures for the previous period are comparable with those of the current period.

During the period, the Company Group adopted for the first time Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 issued by the Ministry of Finance ("Circular 99"), replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 ("Circular 200") providing guidance on the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises, and Circular No. 43/2026/TT-BTC dated April 20, 2026 issued by the Ministry of Finance ("Circular 43"), amending and supplementing Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 ("Circular 202") providing guidance on the preparation and presentation of consolidated financial statements. Accordingly, certain items in the Interim Consolidated Financial Statements have been reclassified and renamed in accordance with the new regulations. The figures in the "Beginning balance" and "Previous period" columns in the Interim Consolidated Financial Statements have been restated according to the new classifications and terminology under Circular 99 and Circular 43 to ensure comparability. These changes do not affect the total assets, total liabilities, equity, or profit after tax of the Company Group.

9. Other Information

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under the stock code "HVV" pursuant to Decision No. 475/QĐ-SGDHCM dated November 20, 2018 issued by the Stock Exchange. The first trading date was November 30, 2018. The number of listed shares as at the end of the accounting period was 69,837,754 shares, with a par value of VND 10,000 per share.

II. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Accounting period

The Company's annual accounting period begins on January 1 and ends on December 31 each year.

2. Accounting currency

The accounting currency is Vietnamese Dong ("VND"), as the majority of transactions are conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND REGULATIONS

1. Applicable Accounting Regime

The Company Group applies Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises promulgated under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 ("Circular 99"), the methods for preparation and presentation of consolidated financial statements promulgated under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 ("Circular 202") and amended and supplemented by Circular No. 43/2026/TT-BTC dated April 20, 2026 issued by the Ministry of Finance ("Circular 43"), as well as the circulars guiding the implementation of accounting standards issued by the Ministry of Finance, in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

Application of the New Accounting Regime for Enterprises

The financial year ending December 31, 2026 is the first year the Company Group applies the Accounting Regime for Enterprises under Circular 99, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014.

The transition to Circular 99 is implemented using the following methods:

- For changes in accounting policies for which Circular 99 provides specific transition guidance, the Company Group follows such guidance.
- For changes in accounting policies for which Circular 99 does not require retrospective adjustment or simplified retrospective application, the Company Group applies the prospective method.

2. Statement of Compliance with Accounting Standards and Accounting Regime

The Board of Management ensures that the Company Group has complied with the requirements of Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting Regime for Enterprises promulgated under Circular 99, the methods for preparation and presentation of consolidated financial statements promulgated under Circular 202 and amended and supplemented under Circular 43, as well as the circulars guiding the implementation of accounting standards issued by the Ministry of Finance, in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES, ACCOUNTING ESTIMATES AND RELEVANT LEGAL REGULATIONS APPLIED**1. Basis of Preparation of the Consolidated Financial Statements**

The Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis of accounting (except for information relating to cash flows), under the historical cost principle and on the going concern assumption.

2. Basis of Consolidation

The Interim Consolidated Financial Statements comprise the Interim Financial Statements of the Parent Company and the Interim Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is an entity controlled by the Parent Company. Control exists when the Parent Company has the ability to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary so as to obtain economic benefits from its activities. In assessing control, potential voting rights arising from call options or debt and equity instruments that are convertible into ordinary shares at the end of the accounting period are taken into consideration.

The results of operations of subsidiaries acquired or disposed of during the period are presented in the Interim Consolidated Statement of Income from the date of acquisition or up to the date of disposal of the investment in such subsidiary.

The Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply uniform accounting policies to transactions and events of the same nature under similar circumstances. Where the accounting policies of a subsidiary differ from the uniform accounting policies applied by the Company Group, appropriate adjustments shall be made to the subsidiary's Financial Statements before they are used for the preparation of the Interim Consolidated Financial Statements.

Balances of accounts in the Interim Consolidated Statement of Financial Position between entities within the Company Group, intra-group transactions, and unrealized intra-group profits arising from these transactions shall be fully eliminated. Unrealized losses arising from intra-group transactions are also eliminated unless the costs giving rise to such losses cannot be recovered.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss from the operating results and net assets of subsidiaries not attributable to the Company Group and are presented separately in the Interim Consolidated Statement of Income and in the Interim Consolidated Statement of Financial Position (within equity). Non-controlling interests comprise the amount of non-controlling interests at the date of the initial business combination and the non-controlling interests in changes in equity since the date of the business combination. Losses incurred by a subsidiary are allocated to non-controlling interests in proportion to their ownership interest, even if such losses exceed the non-controlling interests' share of the subsidiary's net assets.

3. Cash and Cash Equivalents

Cash comprises cash on hand and demand deposits. Cash equivalents are short-term investments with an original maturity of no more than 3 months from the date of investment (from the purchase date to the maturity date), readily convertible into a known amount of cash and subject to insignificant risk of changes in value at the reporting date. Cash and cash equivalents whose use is restricted are not presented under this item but are presented under "Other current assets" or "Other non-current assets", depending on the period of restriction.

4. Financial Investments***Held-to-maturity investments***

An investment is classified as held-to-maturity when the Company Group has the intention and ability to hold it to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits, certificates of deposit and loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest.

Held-to-maturity investments are initially recognized at cost, including the purchase price and costs directly attributable to the acquisition (transaction fees, brokerage commissions, etc.). Accrued interest from the previous period up to the purchase date is deducted from the cost of the investment at initial recognition. Subsequent to initial recognition, these investments are carried at cost. Interest income arising after the purchase date is recognized in finance income on an accrual basis.

Provision for impairment of held-to-maturity investments is made when there is objective evidence that part or all of a held-to-maturity investment may not be recoverable and the loss can be reliably estimated. Increases or decreases in the provision for impairment of held-to-maturity investments required to be made at the end of the accounting period are recognized in finance costs.

Investments in Associates

An associate is an entity over which the Company Group has significant influence but does not have control over its financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not to control those policies.

Investments in associates are accounted for using the equity method. Accordingly, investments in associates are presented in the Interim Consolidated Financial Statements at the initial investment cost, adjusted for changes in the Company Group's share of the net assets of the associate since the date of investment. If the Company Group's share of the losses of an associate is equal to or exceeds the carrying amount of the investment, the carrying amount of the investment presented in the Interim Consolidated Financial Statements is reduced to nil, unless the Company Group has obligations to make payments on behalf of the associate.

Where the Company Group has obligations to settle guaranteed or committed liabilities on behalf of an associate:

- If the Company Group has committed to bear losses of the associate or allows the associate not to repay/reimburse the Company Group for liabilities paid by the Company Group on its behalf, the losses of the associate or the liabilities paid on behalf of the associate that the Company Group is required to bear are recognized as an expense in the Consolidated Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

- If the Company Group has not committed to bear losses of the associate and the associate has committed to repay/reimburse the Company Group for liabilities paid by the Company Group on its behalf, when making payments on behalf of the associate, the Company Group recognizes a receivable from the associate corresponding to the payment made to the creditor, and simultaneously monitors and assesses the recoverability of such receivable to make provision for doubtful debts (if any)

The Financial Statements of the associate are prepared for the same accounting period as the Interim Consolidated Financial Statements of the Company Group. Where the accounting policies of the associate differ from the uniform accounting policies applied by the Company Group, appropriate adjustments shall be made to the Financial Statements of the associate before they are used for the preparation of the Interim Consolidated Financial Statements.

Unrealized profits and losses arising from transactions with associates are eliminated to the extent of the Company Group's interest when preparing the Interim Consolidated Financial Statements.

5. Receivables

Receivables are presented at their carrying amount less provision for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made based on the following principles:

- Trade receivables represent receivables of a commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company Group and buyers that are independent entities from the Company Group.
- Other receivables represent non-trade receivables that are not related to purchase and sale transactions.

Receivables are monitored in detail by individual debtor, maturity and currency.

Trade receivables and other receivables are classified as current and non-current in the Interim Consolidated Statement of Financial Position based on their remaining maturities at the end of the accounting period.

Provision for doubtful debts is made for each doubtful receivable based on the overdue period of the receivables after offsetting against payables, if any, or based on the estimated amount of potential loss, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the value for receivables overdue from 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the value for receivables overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the value for receivables overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the value for receivables overdue for 3 years or more.
- For receivables that are not yet overdue but are unlikely to be recovered: provision is made based on the estimated amount of loss.

Increases or decreases in the provision for doubtful debts at the end of the accounting period are recognized in general and administrative expenses.

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

The cost of inventories is determined as follows:

- Raw materials and merchandise: comprise purchase costs and other directly attributable costs incurred to bring the inventories to their present location and condition.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

- Work in progress: comprises costs of main raw materials, labor costs and other directly attributable costs.

The cost of inventories issued is calculated using the weighted average method and accounted for using the perpetual inventory method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of production and business less estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Provision for decline in value of inventories is made for each item or each service in progress where cost is higher than net realizable value. Increases or decreases in the provision at the end of the accounting period are recognized in cost of goods sold.

7. Tangible Fixed Assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of tangible fixed assets comprises all costs incurred by the Company Group to acquire the assets up to the date when the assets are ready for use.

Subsequent expenditure is capitalized as part of the cost of a fixed asset only when it is probable that future economic benefits associated with the asset will flow to the Company Group. Other subsequent expenditure that does not satisfy this condition is recognized as production and business expenses in the period in which it is incurred. Routine repairs and maintenance costs of tangible fixed assets are recognized as production and business expenses in the period in which they are incurred. For fixed assets which, according to technical requirements, are required to undergo periodic repairs and maintenance, significant periodic repair and maintenance costs are recognized as prepaid expenses and amortized to production and business expenses until the next periodic repair and maintenance period.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their cost and accumulated depreciation are derecognized and any resulting gain or loss is recognized in income or expenses for the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The useful lives and depreciation methods are reviewed at least at the end of each financial year and adjusted if necessary. The depreciation periods for different categories of tangible fixed assets are as follows:

<u>Category of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Buildings and structures	05 - 50
Machinery and equipment	03 - 07
Motor vehicles and transmission equipment	06 - 10

8. Investment Properties

Investment properties are land use rights owned by the Company Group and held for capital appreciation.

Investment properties held for capital appreciation are presented at cost less impairment losses.

When there is clear evidence that an investment property held for capital appreciation has declined in value compared with its market value and the decline in value can be reliably determined, a provision for impairment is recognized as an expense for the period. At the time of preparing the Financial Statements for subsequent periods, if the impairment loss required to be provided is lower than the provision previously made, the difference is reversed and recognized as income for the period. The reversal shall not exceed the amount previously provided.

The cost of investment properties comprises all costs incurred by the Company Group or the fair value of consideration given in exchange to acquire the investment properties up to the date of acquisition or completion of construction.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

Subsequent expenditure relating to investment properties is recognized as an expense unless such expenditure is probable to result in the investment property generating greater future economic benefits than originally assessed, in which case it is added to the cost of the investment property.

When investment properties are sold or disposed of, their cost and accumulated depreciation are derecognized, and the resulting gain or loss is presented on a net basis under "Gain/loss from disposal and sale of investment properties" in the Consolidated Statement of Income.

A transfer from owner-occupied property to investment property is made only when the owner ceases to use the property and commences to lease it to another party under an operating lease. A transfer from inventories to investment property is made only when the owner commences to lease the property to another party under an operating lease. Investment property under construction is transferred to investment property when the construction phase is completed and the property is handed over and put into operation for leasing or held for capital appreciation.

A transfer from investment property to owner-occupied property is made only when the owner commences to use the property. A transfer from investment property to inventories is made only when the owner decides to repair, renovate or upgrade the property for sale. In the case of the sale of investment property without a stage of repair, renovation or upgrading, the property continues to be recognized as investment property until it is sold and is not transferred to inventories.

Transfers between investment property and owner-occupied property or inventories do not change the carrying amount of the transferred asset and do not change the cost used for determining its value or preparing the Financial Statements.

9. Construction in Progress

Construction in progress represents costs directly related to assets under construction and machinery and equipment under installation, including borrowing costs capitalized in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 - Borrowing Costs ("VAS 16"). These assets are recognized at cost and are not depreciated until they are completed, handed over and put into use. Upon completion, the total costs are transferred to the appropriate item depending on their actual purpose of use, including tangible fixed assets, intangible fixed assets, investment properties or inventories, and are depreciated/amortized from the date they are put into use.

10. Payables and Accrued Expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts payable in the future in respect of goods and services received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made based on the following principles:

- Trade payables represent amounts payable of a commercial nature arising from transactions for the purchase of goods, services and assets from sellers that are independent entities from the Company Group.
- Accrued expenses represent: amounts payable for goods and services received from sellers or provided to buyers during the period but not yet actually paid due to insufficient accounting vouchers, records and documents; amounts payable to employees for annual leave pay; and other production and business expenses that are required to be accrued (such as costs incurred during seasonal production stoppages and interest payable on borrowings).
- Other payables represent amounts payable that are non-commercial in nature and are not related to transactions for the purchase, sale or provision of goods and services.

Payables and accrued expenses are classified as current and non-current in the Interim Consolidated Statement of Financial Position based on their remaining maturities at the end of the accounting period.

11. Provisions

Provisions are recognized when the Company Group has a present obligation (legal or constructive) as a result of a past event, it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation, and a reliable estimate can be made of the amount of the obligation.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

The amount recognized as a provision is the best reasonable estimate of the expenditure required to settle the present obligation at the end of the accounting period.

The provisions of the Company Group comprise provisions for construction warranty obligations, which are made at the end of each annual accounting period for each construction project with a warranty commitment. Specifically, the Company Group makes provisions for construction projects where the proportion of goods accounts for less than 75% and installation labor and ancillary materials account for 25% or more.

The provision for construction warranty obligations shall not exceed 5% of the revenue of each construction project recognized during the period for which the contract includes a warranty commitment in accordance with the regulations on construction.

Increases or decreases in the provision for construction warranty obligations required to be made at the end of the accounting period are recognized in selling expenses. Upon expiry of the warranty period, any unused or unutilized portion of the provision is reversed to selling expenses.

12. Equity***Owners' contributed capital***

Owners' contributed capital is recognized based on the actual capital contributed by shareholders.

Share premium

Share premium comprises: the difference between the repurchase price and the re-issuance price of treasury shares.

Direct costs directly attributable to a successful share issuance are deducted from share premium. Costs of an unsuccessful share issuance are recognized as finance costs in the period.

13. Profit Distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriating funds in accordance with the Company's Charter and applicable laws and upon approval by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profit to shareholders takes into consideration non-monetary items included in undistributed profit after tax that may affect cash flows and the ability to pay dividends, such as gains arising from the revaluation of assets contributed as capital, gains arising from the revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

14. Revenue and Income Recognition***Revenue from sale of goods and products***

Revenue from the sale of goods and products is recognized when the Company Group satisfies its performance obligation under the contract by transferring control of the goods and products to the customer, and all of the following conditions are satisfied:

- The Company Group has transferred to the buyer substantially all the risks and rewards of ownership of the goods and products.
- The Company Group retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership of the goods and products nor effective control over the goods and products.
- The revenue can be measured reliably.
- It is probable that the Company Group will receive the economic benefits associated with the sale transaction.
- The costs incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Revenue from Construction Contracts

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

A construction contract is a contract specifically negotiated for the construction of an asset or a combination of assets that are closely interrelated or interdependent in terms of their design, technology, function or ultimate purpose or use.

Revenue from construction contracts comprises the initial amount agreed in the contract and adjustments arising during the performance of the contract agreed by both parties, including variations in the scope of work, additional requirements, bonuses for early completion, or compensation for additional costs incurred outside the contract price, provided that such amounts can be reliably measured and are probable of approval.

When the outcome of a contract can be estimated reliably: For construction contracts under which the contractor is paid based on the value of work performed, revenue and costs related to the contract are recognized in proportion to the work completed, as confirmed by the customer and reflected in invoices issued.

Increases or decreases in construction and installation work quantities, compensation receipts and other receipts are recognized as revenue only when they have been agreed with the customer.

When the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably:

- Revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred for which recovery is probable.
- Contract costs are recognized as expenses when incurred.

When it is probable that total contract costs will exceed total contract revenue, the expected loss is recognized immediately as an expense in the period in which it is identified.

Interest Income

Interest income is recognized based on the time elapsed and the effective interest rate for each period.

Dividends and Profit Distributions

Dividends and profit distributions are recognized when the Company Group is entitled to receive dividends or profits from its investments. For investments in entities that are registered and centrally deposited with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, the recognition date is the record date. For investments in other entities, the recognition date is determined in accordance with the Law on Enterprises and the Charter of the investee.

Only dividends and profits attributable to the period after the investment date are recognized as finance income; the portion attributable to the period before the investment date is deducted from the cost of the investment. Dividends received in the form of shares are not recognized as finance income and do not increase the carrying amount of the investment; only the increase in the number of shares is monitored.

15. Borrowing Costs

Borrowing costs comprise interest on borrowings and other costs incurred directly in connection with borrowings.

Borrowing costs are recognized as expenses in the period in which they are incurred, except to the extent that they qualify for capitalization.

16. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits and are recognized when the transaction occurs or when it is probable that they will be incurred in the future, regardless of whether cash has been paid or not. Expenses are recognized even when they are not yet due for payment but are certain to be incurred, in order to ensure the prudence principle and preservation of capital.

When the Company Group recognizes revenue, a corresponding expense related to the generation of such revenue must be recognized. Corresponding expenses include expenses of the period in which the revenue is generated and expenses of prior periods or accrued expenses related to the revenue of

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

that period. Where the matching principle conflicts with the prudence principle, expenses are recognized based on the substance of the transaction and Vietnamese Accounting Standards to ensure that the transaction is faithfully and fairly presented.

17. Corporate Income Tax

The Company Group's accounting policy for corporate income tax is applied in accordance with the Law on Corporate Income Tax No. 67/2025/QH15 dated June 14, 2025, Decree No. 320/2025/ND-CP dated December 15, 2025 of the Government detailing certain articles of the Law on Corporate Income Tax, guidance issued by the Ministry of Finance and other relevant legal regulations.

Corporate income tax expense comprises current income tax and deferred income tax.

Current Corporate Income Tax

Current corporate income tax expense is the amount of corporate income tax payable calculated on taxable income for the year and the current corporate income tax rate. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, non-taxable income and tax losses carried forward.

On a quarterly basis, the Company Group determines and recognizes the amount of corporate income tax provisionally payable. At the end of the financial year, the Company Group determines the actual corporate income tax payable based on the tax finalization return and adjusts the difference from the amount provisionally recognized during the year.

Deferred Income Tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax that will be payable or recoverable due to temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and their tax bases.

Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except where they arise from the initial recognition of an asset or liability in a transaction that affects neither accounting profit nor taxable income at the time of the transaction.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences when it is probable that sufficient taxable profits will be available in the future against which the temporary differences can be utilized, and are also recognized for unused tax losses and unused tax credits when sufficient taxable profits will be available in the future. Deferred tax assets and deferred tax liabilities arising from transactions recognized directly in equity are not recognized in deferred corporate income tax expense.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at the end of each accounting period and is reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profits will be available to recover all or part of the deferred tax assets.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are measured at the tax rates expected to apply in the financial year in which the assets are recovered or the liabilities are settled, based on tax rates and tax regulations enacted at the end of the accounting period.

When preparing the Statement of Financial Position, deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when:

- The Company Group has a legally enforceable right to offset current tax assets against current tax liabilities; and
- The deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income tax levied by the same tax authority:
 - For the same taxable entity; or

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

- The Company Group intends to settle current tax liabilities and current tax assets on a net basis or recover the assets and settle the liabilities simultaneously in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or deferred tax assets are expected to be settled or recovered.

18. Related Parties

Parties are considered related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making decisions regarding financial and operating policies. Parties are also considered related if they are under common control.

Related parties of the Company Group include:

- Institutional shareholders with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Company Group; associates of the Company Group.
- Individuals with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Company, including members of the Board of Directors and close family members of these individuals.
- Key management personnel who have the authority and responsibility for planning, managing and controlling the activities of the Company, including the Board of Management, the Board of Supervisors, other management personnel and close family members of these individuals.
- Enterprises in which individuals belonging to the above groups hold a sufficiently large proportion of voting rights (directly or indirectly) to exercise significant influence over those enterprises, including enterprises owned by key management personnel or major shareholders of the Company and enterprises having common key management personnel with the Company.

Close family members of an individual are those who may control or be controlled by that individual in transactions with the Company Group, including: parents, spouse, children, and siblings.

A related party transaction is a transfer of resources or obligations between related parties, regardless of whether a price is charged.

In considering the relationship between related parties, the substance of the relationship is emphasized over its legal form.

19. Segment Reporting

A business segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in producing or providing individual products or services, or a group of related products or services, and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in producing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of business segments operating in other economic environments.

The nature of risks and returns is the primary basis for determining whether the primary segment reporting is by business segment or geographical segment. If risks and returns are predominantly affected by differences in products and services, the primary segment reporting is by business segment and the secondary reporting is by geographical segment. Conversely, if risks and returns are predominantly affected by differences in geographical areas, the primary segment reporting is by geographical segment and the secondary reporting is by business segment. The organizational and management structure and the internal financial reporting system of the Company Group are the principal basis for determining whether segment reporting is primary or secondary.

A segment is reportable when the majority of its revenue is derived from sales to and provision of services to external customers and it meets at least one of the following thresholds:

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

- The segment's revenue is 10% or more of the total revenue of all segments; or
- The segment's operating result is 10% or more of the total operating result of all profitable segments or the total operating result of all loss-making segments, whichever is greater in absolute amount; or
- The segment's total assets are 10% or more of the total assets of all segments.

Segment information is prepared and presented in accordance with the accounting policies applied in the preparation and presentation of the Company Group's Interim Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

1. Cash and Cash Equivalents

Cash and cash equivalents held by the Company that are not subject to restrictions on use include:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash	2,533,633,531	577,840,539
Demand deposits	5,017,828,990	58,790,741,876
- Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	2,648,551,847	53,873,832,961
- National Citizen Commercial Joint Stock Bank	192,315,867	4,760,355,073
- Military Commercial Joint Stock Bank	1,632,669,592	21,667,716
- Other banks and institutions	544,291,684	134,886,126
Cash equivalents	80,000,000,000	32,760,267,297
- 1-month term deposits at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	-	31,000,000,000
- 3-month term deposits at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	-	1,667,751,689
- 1-month term deposits at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	80,000,000,000	-
- Accrued interest on term deposits	-	92,515,608
Total	87,551,462,521	92,128,849,712

2. Financial Investments

2a. Short-term Held-to-maturity Investments

The following held-to-maturity investments of the Company Group have recoverable amounts determined at cost:

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Cost</u>	<u>Provision</u>	<u>Cost</u>	<u>Provision</u>
Term deposits ⁽ⁱ⁾	42,894,559,725	-	4,381,775,141	-
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	21,700,000,000	-	2,200,000,000	-
Bank for Investment and Development of Vietnam Joint Stock Commercial Bank	5,174,248,438	-	2,130,000,000	-
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	16,000,000,000	-	-	-
Accrued interest on term deposits	20,311,287	-	51,775,141	-
Certificates of deposit ⁽ⁱⁱ⁾	10,096,734,730	-	10,042,880,799	-
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank	10,042,880,799	-	10,042,880,799	-
Accrued interest on certificates of deposit	53,853,931	-	-	-
Loans	23,968,616,438	-	35,320,739,726	-
Ms. Vu Thi Nga - Related party	-	-	12,014,794,521	-
- Loan principal	-	-	12,000,000,000	-
- Accrued interest	-	-	14,794,521	-
Mr. Nguyen Viet Thang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8,106,630,137	-	8,106,630,137	-

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Gia Phu Capital Vietnam Joint Stock Company ^(iv)	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
Spool Smart Pool Joint Stock Company ^(iv)	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-
Accrued interest on loans to other parties	861,986,301	-	199,315,068	-
Total	76,959,910,893	-	49,745,395,666	-

- (i) Term deposits at banks with interest rates ranging from 5.37% to 8% per annum. Of these, term deposits with a total value of VND 8,874,248,438 are used as collateral for loans at the same banks.
- (ii) Bao Loc certificates of deposit issued by Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, bearing an interest rate of 4.4%.
- (iii) Loan to Mr. Nguyen Viet Thang under the contract dated February 15, 2023. On October 2, 2023, the Company entered into an agreement to purchase 10% of the contributed capital in Song Thao Company Limited from Mr. Nguyen Viet Thang for a transfer value of VND 11,106,630,137. The loan will be offset against the transfer amount payable to Mr. Nguyen Viet Thang upon completion of the transfer procedures. However, as the transfer procedures have not yet been fully completed, Mr. Nguyen Viet Thang temporarily repaid part of the loan (VND 3,000,000,000) and will continue to repay the outstanding loan in full if the transfer procedures are not completed. The loan is secured by collateral.
- (iv) Loans to individuals and organizations bearing an interest rate of 7.5% per annum, with a loan term of up to 12 months. The loans are unsecured.

2b. Investment in an associate

The Company Group has investments in only one associate, Chi Thanh Joint Stock Company. On March 27, 2026, the Company Group transferred 1,440,000 shares (equivalent to 12% of the charter capital) owned by the Group in Chi Thanh Joint Stock Company for a transfer price of VND 36,000,000,000, resulting in a gain of VND 1,755,384,813 (see Note VI.3). As at the end of the accounting period, the Company Group held 3,960,000 shares, equivalent to 33% of the charter capital of Chi Thanh Joint Stock Company (beginning of the year: 5,400,000 shares, equivalent to 45% of the charter capital).

	Ending balance	Beginning balance
Cost	85,548,000,000	119,820,000,000
Profit arising after the investment date	(93,315,078)	(99,952,575)
Total	85,454,684,922	119,720,047,425

The Company Group's share of the value of the associate is as follows:

	Current period	Previous period
Beginning balance	119,720,047,425	119,743,182,005
Profit for the period	(20,747,316)	1,588,181
Value of transferred interest	(34,244,615,187)	-
Ending balance	85,454,684,922	119,744,770,186

Operating status of the associate

The associate is currently in the capital construction investment phase and has not yet commenced production or business activities.

Transactions with the associate

See Note VII.2b.

3. Short-term trade receivables

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Ending balance		Beginning balance	
	Carrying amount	Provision	Carrying amount	Provision
CNC Tech Global Joint Stock Company	311,658,041,594	-	194,554,522,225	-
Other customers	105,103,633,780 (11,373,293,985)		100,892,433,001 (18,925,229,095)	
Total	416,761,675,374 (11,373,293,985)		295,446,955,226 (18,925,229,095)	

- (i) Receivables related to contracts for the construction of technical infrastructure for factory facilities, with payment terms of within 90 days from the date the investor receives complete payment documentation. As at the reporting date, all receivables have been settled on time in accordance with the contracts.

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Hanoi South Electricity Materials Trading Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	30,885,043,791	-
Sun Ha Nam Joint Stock Company ⁽ⁱⁱ⁾	12,413,616,315	11,751,689,774
Spool Smart Pool Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	11,000,000,000	11,000,000,000
Nguyen Gia Electrical Equipment Trading Joint Stock Company	-	4,578,899,773
Other suppliers	30,640,538,690	9,807,523,807
Total	84,939,198,796	37,138,113,354

- (i) Advance payments under contracts for the purchase of materials and goods for construction works.
- (ii) Payments made according to the schedule under contracts for the purchase of real estate.

5. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Carrying amount	Provision	Carrying amount	Provision
Advances ⁽ⁱ⁾	35,250,000,000	-	608,000,000	-
Deposits and security deposits ⁽ⁱⁱ⁾	9,960,939,775	-	24,811,877,435	-
Novareal Joint Stock Company ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20,338,999,164	-	20,338,999,164	-
Bateco Thang Cuong Joint Stock Company ^(iv)	30,000,000,000	-	-	-
Hoa Binh Area Land Fund Development Center ^(v)	24,115,459,000	-	24,115,459,000	-
Other short-term receivables	1,423,843,015	-	1,405,204,062	-
Total	121,089,240,954	-	71,279,539,661	-

- (i) Advances to individuals who are project managers responsible for construction sites for the Projects.
- (ii) Deposits placed with banks as security for loan guarantees.
- (iii) Deposit under the agreement dated March 28, 2023, whereby the Company Group made a deposit to enter into a contract when the investor of the Project "Residential Area covering an area of 4.2777 hectares in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City" (now Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City) becomes eligible to sell the real estate.
- (iv) Deposit to secure the leaseback of land at Thang Cuong Industrial Park for the construction of a manufacturing and assembly plant for fire prevention and firefighting equipment.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

- (v) Advance payment for site clearance costs for the Project of garden villas, afforestation combined with eco-tourism in Mong Hoa Commune, Hoa Binh City (now Ky Son Ward, Phu Tho Province). This amount will be offset against the land use fee payable upon receipt of the relevant notice.

6. Bad debts

	Ending balance			Beginning balance		
	Overdue period	Cost	Provision	Overdue period	Cost	Provision
Cienco5 Land Development Corporation		-	-	Over 3 years	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Delta - Valley Binh Thuan Company Limited	2 – 3 years	8,118,447,924	(5,682,913,547)	2 – 3 years	8,118,447,924	(5,682,913,547)
Kimboi Trade And Travel Joint Stock Company	1 – 2 years	4,700,000,000	(2,350,000,000)		-	-
Receivables from other organizations and individuals		3,962,658,039	(3,380,344,639)		4,652,802,084	(3,682,279,749)
Total		16,781,105,963	(11,413,258,186)		22,371,250,008	(18,965,193,296)

For overdue receivables, the Company Group makes provision based on the overdue period (*see Note IV5*). The Company Group is unable to determine the recoverable amount of these receivables due to insufficient updated information on the financial position and payment capacity of the debtors at the date of preparation of the Financial Statements.

Movements in the provision for doubtful short-term receivables are as follows:

	Current period	Previous period
Beginning balance	18,965,193,296	16,430,293,984
Additional provision	(3,351,935,110)	760,522,334
Bad debts written off for customers	(4,200,000,000)	-
Ending balance	11,413,258,186	17,190,816,318

Reason for provision/reversal of provision for doubtful receivables: Provision made for receivables that are overdue for payment; reversal due to recovery of receivables.

7. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Raw materials and supplies	16,667,933,421	-	4,226,813,004	-
Work in progress	136,434,728,549	-	89,365,194,592	-
Merchandise	16,663,718,877	-	18,139,751,183	-
Total	169,766,380,847	-	111,731,758,779	-

8. Other Short-term Assets

	Ending balance	Beginning balance
Payment deposits ⁽ⁱ⁾	5,171,228,666	1,383,735,720
3-month term deposits ⁽ⁱ⁾	29,124,732,696	9,499,000,000
Total	34,295,961,362	10,882,735,720

- (i) The Company Group's payment deposits and 3-month term deposits at banks are currently blocked to provide guarantees and secure the Company Group's loans at the same banks.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles and transmission equipment	Management equipment and tools	Total
Historical cost					
Beginning balance	55,245,827,525	12,663,287,563	5,504,528,673	1,127,199,436	74,540,843,197
Additions during the period	120,467,483	-	-	-	120,467,483
Ending balance	55,366,295,008	12,663,287,563	5,504,528,673	1,127,199,436	74,661,310,680
<i>Of which:</i>					
Fully depreciated but still in use	2,853,569,411	930,265,200	1,942,491,582	127,000,000	5,853,326,193
Pending disposal	-	-	-	-	-
Accumulated depreciation					
Beginning balance	17,261,920,579	6,441,501,281	3,382,413,586	764,358,985	27,850,194,431
Depreciation for the period	1,044,238,986	469,291,767	246,130,122	64,192,384	1,823,853,259
Ending balance	18,306,159,565	6,910,793,048	3,628,543,708	828,551,369	29,674,047,690
Net book value					
Beginning balance	37,983,906,946	6,221,786,282	2,122,115,087	362,840,451	46,690,648,766
Ending balance	37,060,135,443	5,752,494,515	1,875,984,965	298,648,067	44,987,262,990
<i>Of which:</i>					
Temporarily not in use	-	-	-	-	-
Pending disposal	-	-	-	-	-

As at the end of the accounting period, the list of tangible fixed assets is as follows:

	Historical cost	Accumulated depreciation	Net book value
Apartment, Ho Guom Plaza Building	23,274,401,202	(3,959,364,323)	19,315,036,879
Factory - Hung Yen Plant	25,792,335,696	(8,637,364,337)	17,154,971,359
Other tangible fixed assets	25,594,573,782	(17,077,319,030)	8,517,254,752
Total	74,661,310,680	(29,674,047,690)	44,987,262,990

Certain tangible fixed assets with a net book value of VND 36,470,008,238 have been pledged as collateral for the Company Group's loans.

10. Investment properties held for capital appreciation

This represents the value of the right to use land for an indefinite term (96 m²) in Bach Quang Ward, Thai Nguyen Province.

In accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 05 - Investment Properties, the fair value of investment properties as at the end of the accounting period is required to be disclosed. However, the Company Group has not yet been able to determine the fair value of the investment properties due to the current lack of conditions to perform the valuation.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)**11. Construction in progress**

This represents costs incurred for the implementation of the Garden Villa, Afforestation Combined with Ecotourism Project in Mong Hoa Commune, Ky Son District, Hoa Binh Province (now Ky Son Ward, Phu Tho Province).

The former Hoa Binh Provincial People's Committee issued Decision No. 15/QD-UBND dated May 15, 2024 approving the consortium of HVC Investment And Technology Joint Stock Company and Ho Guom Group Joint Stock Company as the investors implementing the Project. The enterprise implementing the Project is HVC and Ho Guom Hoa Binh Investment Company Limited (a subsidiary).

	Current period
Beginning balance	151,482,082,656
Costs incurred during the period	121,938,097,268
Compensation for site clearance received for the portion of land owned by the Company Group	(1,936,911,600)
Ending balance	271,483,268,324

12. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
Song Thao Investment Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	149,133,922,706	68,019,151,078
Other suppliers	50,105,322,719	42,810,769,097
Total	199,239,245,425	110,829,920,175

⁽ⁱ⁾ Payables related to contracts for the construction of technical infrastructure for factory facilities, with payment terms of within 90 days from the date the contractor submits complete payment documentation. As at the reporting date, all payables have been settled on time in accordance with the contracts.

13. Short-term advances from customers

	Ending balance	Beginning balance
SCG Construction Group Joint Stock Company	14,661,592,572	17,899,793,233
Ha Long Production Development Investment Company Limited	20,441,629,536	6,659,517,714
Olympia Industrial Construction Company Limited	11,567,126,654	8,475,461,236
Ho Tay Construction and Project Management Company Limited	11,367,149,339	16,352,978,542
Phenikaa University	12,778,860,050	15,806,823,621
Other customers	27,866,990,506	44,721,334,748
Total	98,683,348,657	109,915,909,094

14. Short-term taxes and other amounts payable to the State Budget

	Beginning balance		Movements during the period		Ending balance	
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount actually paid	Payable	Receivable
VAT on domestic sales	892,305,078	8,909,923	3,169,740,584	(4,031,358,772)	22,145,112	368,145
VAT on imports	-	-	129,759,046	(129,759,046)	-	-
Import and export duties	-	-	33,792,497	(33,792,497)	-	-
Corporate income tax	10,606,594,317	-	10,645,874,851	(10,879,321,591)	10,373,147,577	-
Personal income tax	71,686,779	-	783,932,613	(350,702,014)	504,917,378	-
Land and housing tax	6,243,600	-	6,243,600	(12,487,200)	-	-

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Beginning balance		Movements during the period		Ending balance	
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount actually paid	Payable	Receivable
Fees, charges and other amounts payable	-	-	64,529,750	(64,529,750)	-	-
Total	11,576,829,774	8,909,923	14,833,872,941	(15,501,950,870)	10,900,210,067	368,145

All tax obligations and other amounts payable to the State Budget are settled in the short term.

Value Added Tax

The Company Group pays value added tax under the credit method at tax rates of 8% and 10%.

Import Tax

The Company Group declares and pays import tax in accordance with customs notifications.

Corporate Income Tax

The Company Group is subject to corporate income tax on taxable income at a tax rate of 20%.

The determination of corporate income tax payable by the companies within the Company Group is based on the prevailing tax regulations. However, these regulations are subject to change from time to time, and tax regulations applicable to various types of transactions may be interpreted in different ways. Accordingly, the tax amounts presented in the Interim Consolidated Financial Statements may be subject to change upon tax inspection by the tax authorities.

Other taxes

The Group declares and pays taxes in accordance with applicable regulations.

15. Short-term Accrued Expenses

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
Interest payable	751,949,028	290,333,234
Outsourced labor costs	-	560,522,588
Total	751,949,028	850,855,822

16. Short-term Borrowings

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank ⁽ⁱ⁾	187,703,344,340	135,235,666,817
Lending limit	180,333,684,777	122,104,991,468
Discounting limit	7,369,659,563	13,130,675,349
National Citizen Commercial Joint Stock Bank – Hanoi Branch – Factoring limit ⁽ⁱⁱ⁾	23,481,984,916	5,210,720,990
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9,996,637,734	-
Bank for Investment and Development of Vietnam ^(iv)	4,871,133,570	-
Total	226,053,100,560	140,446,387,807

(i) The borrowings from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank are under the following agreements:

- Credit Facility Agreement dated 9 September 2014, together with its appendices up to 8 June 2026, entered into by the Parent Company, with a total credit facility limit of VND 580 billion for business operations. The loan term is 6 months, with an interest rate of 7.5%–9.58% per annum + a margin of 0.66%

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

-Credit Facility Agreement No. HSO201912765135/HDTD dated 23 November 2019, together with its appendices up to 7 January 2026, entered into by HVC Park Entertainment Company Limited (a subsidiary), with a total credit facility limit of VND 60 billion for business operations. The loan term is 6 months, with an interest rate of 9.58% per annum + a margin of 0.96%..

- Bill of Exchange Discounting Facility Agreement dated 7 January 2026, entered into by the Parent Company and HVC Park Entertainment Equipment Company Limited (a subsidiary), with a total discounting facility limit of VND 75 billion. The discount rate is specified in each individual discounting request and is borne by the Group's customers. The discounting term is specified in each discounting request and may not exceed the remaining payment term of the bill of exchange, and in any case may not exceed 365 calendar days.

- (ii) Factoring facility obtained from National Citizen Commercial Joint Stock Bank under the Credit Facility Agreement dated 10 October 2025, entered into by the Parent Company, with a factoring limit of VND 50 billion. The factoring interest rate is specified in each individual factoring proposal and is borne by the Company's customers. The factoring term is less than 12 months
- (iii) Borrowing from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank under the Credit Facility Agreement dated 12 June 2026, entered into by the Parent Company, with a credit facility limit of VND 200 billion for business operations. The loan term is 6 months, with an interest rate of 9.6% per annum.
- (iv) Loan from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam under the Credit Facility Agreement dated February 12, 2026, with the Parent Company, with a credit limit of VND 100 billion, to serve production and business activities. The loan term is from 6 to 7 months, with an interest rate of 7.6% per annum.

The Bank loans are secured by the Company's asset mortgage agreements (see Note V.19) and guarantee commitments of a member of the Board of Directors (see Note VII.1a).

Details of movements in short-term borrowings are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	140,446,387,807	27,995,306,870
New borrowings	391,810,107,180	94,760,867,863
Repayment of borrowings	(306,203,394,427)	(31,683,225,970)
Ending balance	<u><u>226,053,100,560</u></u>	<u><u>91,072,948,763</u></u>

17. Short-term provisions

Short-term provisions relate to provisions for construction warranty costs. Details of movements are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	1,089,454,521	2,478,337,262
Provision made/(Reversal of provision)	26,029,762	(339,316,946)
Ending balance	<u><u>1,115,484,283</u></u>	<u><u>2,139,020,316</u></u>

18. Equity**18a. Reconciliation of changes in equity**

	Owner's			Non-controlling	
	Contributed capital	Share premium	Retained earnings	interests	Total
Beginning balance of the previous year	406,448,300,000	(4,390,693,200)	96,956,704,305	52,347,721,554	551,362,032,659
Dividends paid in shares	28,445,040,000	-	(28,445,040,000)	-	-
Share issuance expenses	-	(100,000,000)	-	-	(100,000,000)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Owner's contributed capita	Share premium	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Profit for the previous period	-	-	16,545,319,411	212,396,038	16,757,715,449
Increase/decrease due to changes in ownership interest in the Subsidiary	-	-	736,836,456	(2,736,836,456)	(2,000,000,000)
Ending balance of the previous period	434,893,340,000	(4,490,693,200)	85,793,820,172	49,823,281,136	566,019,748,108
Beginning balance of the current year	434,893,340,000	(4,490,693,200)	111,196,380,070	49,813,807,042	591,412,833,912
Issuance of shares for cash ⁽ⁱ⁾	200,000,000,000	-	-	13,591,200,000	213,591,200,000
Dividends paid in shares ⁽ⁱⁱ⁾	63,484,200,000	-	(63,484,200,000)	-	-
Share issuance expenses	-	(181,818,182)	-	-	(181,818,182)
Profit for the current period			42,248,231,011	105,222,211	42,353,453,222
Distribution of profit at the Subsidiary			-	(1,018,036,806)	(1,018,036,806)
Increase/decrease due to changes in ownership interest in the Subsidiary	-	-	164,999,835	(164,999,835)	-
Ending balance of the current period	698,377,540,000	(4,672,511,382)	90,125,410,916	62,327,192,612	846,157,632,146

(i) Pursuant to Resolution No. 01/2025/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders dated April 22, 2025, on January 12, 2026, the Company completed the private placement of 20,000,000 shares to domestic professional securities investors for the repayment of bank loans and increasing its contributed capital in HVC Investment And Ho Guom Hoa Binh Company Limited (the Subsidiary). The Ho Chi Minh City Stock Exchange approved the additional listing of the aforementioned shares effective from February 13, 2026.

(ii) Pursuant to Resolution No. 01/2026/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders dated April 15, 2026, on June 1, 2026, the Company issued 6,348,420 shares to pay dividends for 2025. The Ho Chi Minh City Stock Exchange approved the additional listing of the aforementioned shares effective from June 25, 2026.

18b. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered for issuance	69,837,754	43,489,334
Number of ordinary shares issued	69,837,754	43,489,334
Number of ordinary shares outstanding	69,837,754	43,489,334

Par value of outstanding shares: 10,000 VND.

18c. Profit distribution

During the period, the Company distributed profits pursuant to Resolution No. 01/2026/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders dated April 15, 2026, as follows:
VND

- Payment of dividends in shares : 63,484,200,000

In addition, on August 5, 2026, the Company issued 1,904,680 bonus shares under the employee stock option program for employees of the Company. On August 7, 2026, the State Securities Commission notified that it had received the Company's report on the results of the share issuance.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

19. Off-balance sheet items in the interim consolidated statement of financial position***Pledged and mortgaged assets***

	Book value		Pledgee and mortgagee
	Ending balance	Beginning balance	
<i>Held-to-maturity investments (see Note V.2a)</i>	8,874,248,438	4,330,000,000	
Term deposits	3,700,000,000	2,200,000,000	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
Term deposits	5,174,248,438	2,130,000,000	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
<i>Other current assets (see Note V.8)</i>	34,253,289,033	10,882,735,720	
Demand deposits	5,171,228,666	1,383,735,720	National Citizen Commercial Joint Stock Bank
Term deposits	13,999,000,00	9,499,000,000	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Term deposits	15,083,060,367	-	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
<i>Tangible fixed assets (see Note V.9)</i>	36,470,008,238	37,285,834,964	
The Company's office at Ho Guom Plaza	19,315,036,879	19,547,525,503	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
Factory buildings – Hung Yen Factory	17,154,971,359	17,738,309,461	Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
Total	79,597,545,709	52,498,570,684	

The mortgage period of the assets remains effective until the secured obligations have been fully performed and the parties have completed the procedures for release of the mortgage and deregistration of the security interest.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF PROFIT OR LOSS
1. Revenue from sale of goods and provision of services***1a. Total revenue***

	Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Revenue from sale of goods	17,712,164,668	40,479,081,283
Revenue from sale of products	10,039,450,552	9,642,880,940
Revenue from construction and installation services	556,289,646,637	157,038,763,383
Total	584,041,261,857	207,160,725,606

1b. Revenue from sales of goods and provision of services to related parties

Transactions involving sales of goods and provision of services to related parties are presented in Note VII.1b.

2. Cost of goods sold

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

		Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
		Current year	Previous year
Cost of goods sold		16,325,029,787	38,124,393,352
Cost of products sold		8,162,235,955	6,958,542,814
Cost of construction and installation services		491,975,725,021	126,849,603,472
Total		516,462,990,763	171,932,539,638
3. Finance income			
		Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
		Current year	Previous year
Interest from demand deposits		41,333,030	7,247,629
Interest from term deposits		933,079,846	951,115,701
Interest on loans		852,534,247	-
Interest from certificates of deposit		266,928,183	166,416,979
Gain on transfer of investment in an associate		1,755,384,813	-
Total		3,849,260,119	1,124,780,309
4. Finance costs			
		Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
		Current year	Previous year
Borrowing costs		6,442,937,834	888,702,895
Foreign exchange loss arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies		25,865,394	205,414,271
Other finance costs		-	452,000
Total		6,468,803,228	1,094,569,166
5. General and administrative expenses			
		Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
		Current year	Previous year
Employee expenses		10,509,284,499	10,039,707,397
Office supplies expenses		691,251,065	263,422,236
Depreciation expenses of fixed assets		1,326,879,044	1,278,101,502
Taxes, fees and charges		6,243,600	22,177,949
Provision/(Reversal of provision) for doubtful debts		(3,351,935,110)	760,522,334
Outsourced service expenses		1,807,325,860	1,345,959,115
Other expenses		787,396,624	994,729,916
Total		11,776,445,582	14,704,620,449
6. Earnings per share			
6a. Basic/Diluted earnings per share			
		Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
		Current year	Previous year
Profit after corporate income tax attributable to the shareholders of the parent company		42,248,231,011	16,545,319,411
Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine profit attributable to ordinary shareholders:		-	-

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Profit used to calculate basic/diluted earnings per share	42,248,231,011	16,545,319,411
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	65,086,373	49,837,754
Basic/Diluted earnings per share	649	332

The number of ordinary shares used to calculate basic/diluted earnings per share is calculated as follows:

	Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Ordinary shares outstanding at the beginning of the year	43,489,334	40,644,830
Effect of ordinary shares issued on February 13, 2026	15,248,619	-
Effect of ordinary shares issued from equity on June 25, 2026	6,348,420	6,348,420
Effect of ordinary shares issued from equity on June 12, 2025	-	2,844,504
Weighted average ordinary shares outstanding during the period	65,086,373	49,837,754

The basic earnings per share for the previous period has been restated, decreasing from VND 380 to VND 332, due to the impact of the event on June 25, 2026, when the Company issued 6,348,420 shares to increase its charter capital from retained earnings.

6b. Other information

There were no transactions involving ordinary shares or potential ordinary shares occurring between the end of the accounting period and the date of authorization for issuance of these interim consolidated financial statements.

7. Production and business costs by nature

	Cumulative from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Purchase cost of goods sold	21,413,888,825	38,124,393,352
Raw materials and materials expenses	508,535,567,941	120,527,508,500
Labor costs	45,922,697,675	19,689,541,651
Depreciation expenses of fixed assets	1,827,053,277	1,813,234,919
Outsourced service expenses	12,123,355,364	6,549,765,268
Other expenses	1,031,054	1,780,634,388
Increase/decrease in inventories	(61,004,838,417)	(1,911,110,425)
Total	528,818,755,719	186,573,967,653

VII. OTHER INFORMATION**1. Transactions and balances with related parties**

Related parties of the Group include key management personnel and individuals related to key management personnel; and other related parties.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

1a. Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel

Key management personnel include members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and members of the Executive Board. Individuals related to key management personnel are close family members of key management personnel.

Transactions with key management personnel and individuals related to key management personnel

The Group did not have any transactions involving the sale of goods and provision of services to key management personnel and individuals related to key management personnel. The only other transaction during the period was a transaction involving accrued interest receivable on a loan from Ms. Vu Thi Nga, amounting to VND 189,863,014 (there were no transactions arising during the same period of the previous year).

Guarantee commitments

A member of the Executive Board uses land use rights owned by himself/herself as security for the loan of Mr. Nguyen Viet Thang at the Group (see Note V.2a).

A member of the Executive Board uses his/her assets, reputation and responsibility to provide an unconditional and irrevocable guarantee for the Company's loan at Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (see Note V.16).

Payables to key management personnel and individuals related to key management personnel

Payables to key management personnel and individuals related to key management personnel are presented in Note V.2a.

Remuneration of key management personnel

	Position	Salary	Remuneration for the previous year	Total income
Current period				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the Board of Directors	-	90,000,000	90,000,000
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the Board of Directors	330,770,000	45,000,000	375,770,000
Mr. Le Van Cuong	Member of the Board of Directors/General Director	332,377,000	45,000,000	377,377,000
Mr. Truong Thanh Tung	Member of the Board of Directors/Deputy General Director	357,414,000	45,000,000	402,414,000
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member of the Board of Directors	-	45,000,000	45,000,000
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	320,040,000	-	320,040,000
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	249,640,000	-	249,640,000
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Board of Supervisors	95,205,392	45,000,000	140,205,392
Ms. Ha Thi Linh	Member of the Board of Supervisors	137,113,709	22,500,000	159,613,709
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member of the Board of Supervisors	-	25,000,000	25,000,000
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	189,098,553	-	189,098,553
Total		2,011,658,654	362,500,000	2,374,158,654

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Position	Salary	Remuneration for the previous year	Total income
Previous period				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the Board of Directors	-	90,000,000	90,000,000
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the Board of Directors	279,550,000	45,000,000	324,550,000
Mr. Le Van Cuong	Member of the Board of Directors/General Director	279,550,000	45,000,000	324,550,000
Mr. Truong Thanh Tung	Member of the Board of Directors/Deputy General Director	289,860,000	45,000,000	334,860,000
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member of the Board of Directors	-	45,000,000	45,000,000
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	289,860,000	-	289,860,000
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	237,856,700	-	237,856,700
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Board of Supervisors	-	45,000,000	45,000,000
Ms. Ha Thi Linh	Member of the Board of Supervisors	-	22,500,000	22,500,000
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member of the Board of Supervisors	-	22,500,000	22,500,000
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	154,160,975	-	154,160,975
Total		1,530,837,675	360,000,000	1,890,837,675

The above income is income at the Parent Company and does not include income (if any) at the Subsidiaries.

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Group include:

Other related party	Relationship
Chi Thanh Joint Stock Company	Associate

Transactions and balances with other related parties

The Group did not have any transactions with and did not have any balances due from or due to other related parties.

2. Segment information

The principal business activities of the Group are the supply and installation of high-end amusement and entertainment equipment and the construction of technical infrastructure for factories, which are carried out within the territory of Vietnam. Therefore, the risks and returns of the Group are not predominantly affected by differences in the goods/services provided by the Group or by the Group operating in different geographical areas. Accordingly, the Executive Board considers that the Group has only one operating segment by business line and one operating segment by geographical area, and the Group is not required to present business segment reports and geographical segment reports.

3. Comparative figures**Application of the new accounting regulations**

s presented in Note III.1, the Group has applied Circular 99 since January 1, 2026. Certain comparative figures have been restated to conform with the provisions of Circular 99 relating to the presentation of financial statements, specifically as follows:

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

	Code	Figures before adjustment	Adjustments	Figures after adjustment	Notes
<i>Interim consolidated statement of financial position</i>					
Cash and cash equivalents	110	93,420,069,824	(1,291,220,112)	92,128,849,712	
Short-term held-to-maturity investments	123	58,978,510,936	(9,233,115,270)	49,745,395,666	(i)
Other short-term receivables	135	71,637,939,999	(358,400,338)	71,279,539,661	
Other current assets	165	-	10,882,735,720	10,882,735,720	
(i) Reclassification of restricted cash and cash equivalents used as collateral from "Cash and cash equivalents" to "Other current assets", and accrued interest on term deposits and interest on loans from "Other short-term receivables" to "Short-term held-to-maturity investments".					

4. Significant assumptions and estimates

The preparation of the interim consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of interim consolidated financial statements requires Management to make estimates and assumptions that affect the reported figures for assets, liabilities, and the disclosure of contingent liabilities and assets at the end of the accounting period, as well as the figures for revenue and expenses during the period. Actual results may differ from these estimates and assumptions.

Estimates and assumptions that have a material impact on the interim consolidated financial statements include:

- Provision for doubtful debts (Notes IV.5 and V.3);
- Provision for inventory obsolescence (Notes IV.6 and V.7);
- Useful lives of tangible fixed assets (Note IV.7);
- Provision for construction warranties (Notes IV.11 and V.17);

The aforementioned estimates and assumptions were developed by Management based on the best available information and experience, and are reviewed and re-evaluated at each reporting date. As of the reporting date, based on an assessment of the uncertainties associated with these estimates and assumptions, Management has determined that there are no material matters requiring additional disclosure regarding the impact, the likelihood of various outcomes, or measures planned for the subsequent reporting period.

There have been no material changes to the bases and methods used to determine accounting estimates compared to those applied in the preparation of the most recent consolidated financial statements or the consolidated interim financial statements for the corresponding period of the previous year.

5. Events arising after the end of the accounting period

On July 21, 2026, the Parent Company transferred all of its contributed capital in Chi Thanh Joint Stock Company (2,400,000 shares, representing 20% of the charter capital) to Ms. Tran Thi Ha Phuong, for a total transfer price of VND 54 billion. As at the date of preparation of these financial statements, the Company had collected the entire transfer proceeds

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu Street, Ha Dong Ward, Hanoi City

Interim Consolidated Financial Statements

Accounting Period From January 1, 2026 To June 30, 2026

Notes To The Interim Consolidated Financial Statements (Continued)

Except for the above-mentioned event and the event disclosed in Note V.18c, the Company's Executive Board confirms that there were no other material events occurring between the end of the accounting period and the date on which the financial statements were authorized for issue that would require adjustment to the amounts or disclosure in the interim consolidated financial statements.

Approved on 21 August 2026

Prepared by

Chief Accountant

Legal Representative

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

